



SGC

PROFILE

company



Chất lượng là nền tảng của sự tồn tại và phát triển
Quality is the foundation of existence and development

INDEX

MỤC LỤC

INTRODUCTION TO THE COMPANY	TRANG PAGE 02	GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY
QUALITY POLICY	TRANG PAGE 06	CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG
CERTIFICATES AND ACCREDITATIONS	TRANG PAGE 08	GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH
Certificates and Accreditations *		* Phân tích và thử nghiệm
Testing and Analysis Product and Process Certification *		* Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy
Management System Certification *		* Chứng nhận Hệ Thống quản lý
Inspection *		* Giám định
Fumigation *		* Khử trùng
Pest Control *		* Kiểm soát dịch hại
Halal Certification *		* Chứng nhận Halal
Services for State InspectionField Trials *		* Phục vụ kiểm tra nhà nước
Experimental Testing *		* Khảo nghiệm
HUMAN RESOURCES	TRANG PAGE 36	NHÂN SỰ
FACILITIES AND EQUIPMENT	TRANG PAGE 42	TRANG THIẾT BỊ
SERVICE ACTIVITIES	TRANG PAGE 50	HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ
LIST OF TESTS PERFORMED AT SAIGONCERT	TRANG PAGE 84	DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI SAGONCERT

Giới thiệu VỀ CÔNG TY

Company Introduction



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH SAIGONCERT
SAIGONCERT CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ HOÁ VÀ DINH DƯỠNG CÂY TRỒNG
CENTER FOR CHEMICAL TECHNOLOGY AND PLANT NUTRITION

TRỤ SỞ CHÍNH/ (HEAD OFFICE)

- 139 Đường Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
139 Man Thien Street, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Thông tin liên hệ/ Contact Information

- Bộ phận một cửa nhận mẫu: **098 197 7731**
One-Stop Sample Receiving Department
- Ban chứng nhận: **098 876 9794**
Certification Department)
- Hotline: **079 382 7777**
- Email: saigoncert.hc@gmail.com
- Website: www.saigoncert.com - www.khaonghiemkiemnghiempnanbon.vn

Chi nhánh phía bắc

Northern Branch

- Số 6, ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Kim Liên, Tp. Hà Nội
(No. 6, Alley 95 Chua Boc Street, Kim Lien Ward, Hanoi City)

Văn phòng đại diện tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Representative Office in Ho Chi Minh City

- Lầu 8, Tòa nhà Linco, 61A-63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
(8th Floor, Linco Building, 61A-63A Vo Van Tan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City)
- 429/2 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh
(429/2 Le Van Viet Street, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City)
- 146 đường D1, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh
(146 D1 Street, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh City)

Văn phòng đại diện tại ĐBSCL

Representative Office in the Mekong Delta

- 05 Tổ 1-KV1, Phường Hưng Phú, Tp. Cần Thơ
(05 Group 1-Area 1, Hung Phu Ward, Can Tho City)
- Số 959 Quốc Lộ 91, KP. Thới Thạnh 1, Phường Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ
(No. 959, National Highway 91, Thoi Thanh 1 Quarter, Thot Not Ward, Can Tho City)
- 145/37 Đường Đặng Văn Bình, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
(145/37 Dang Van Binh Street, Cao Lanh Ward, Dong Thap Province)

CHỨC NĂNG & NHIỆM VỤ

Functions & responsibilities

1

HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

TESTING ACTIVITIES

- Thử nghiệm các chỉ tiêu lĩnh vực phân bón
- Thử nghiệm các chỉ tiêu lĩnh vực Thức ăn chăn nuôi, Thức ăn thủy sản
- Thử nghiệm các chỉ tiêu lĩnh vực thuốc Bảo vệ thực vật
- Thử nghiệm các chỉ tiêu lĩnh vực VietGAP; Giống; Đất; Nước; Rau củ quả ...
- Thử nghiệm chất cấm auramin O (vàng O), Cd, Pb trên sầu riêng.
- *Testing of indicators in the fertilizer sector*
- *Testing of indicators in the animal feed and aquafeed sector*
- *Testing of indicators in the plant protection chemicals sector*
- *Testing of indicators for VietGAP, Seeds, Soil, Water, Fruits and Vegetables, etc.*
- *Testing for prohibited substances such as auramine O (Yellow O), Cd, Pb in durian*

2

HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP

CONFORMITY CERTIFICATION ACTIVITIES

- Chứng nhận hợp quy sản phẩm Phân bón
- Chứng nhận hợp quy sản phẩm Thức ăn chăn nuôi
- Chứng nhận hợp quy sản phẩm Thức ăn thủy sản
- Chứng nhận Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP trồng trọt)
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001
- Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường phù hợp tiêu chuẩn ISO 14001
- *Certification of conformity for Fertilizer products*
- *Certification of conformity for Animal Feed products*
- *Certification of conformity for Aquafeed products*
- *Certification of Good Agricultural Practices (VietGAP – Crop Production)*
- *Certification of Quality Management Systems in accordance with ISO 9001*
- *Certification of Environmental Management Systems in accordance with ISO 14001*

3

HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH, XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG VÀ KIỂM SOÁT DỊCH HẠI
INSPECTION, FUMIGATION, AND PEST CONTROL ACTIVITIES

- Giám định số lượng hàng hóa
- Giám định chất lượng: Hạt tiêu; gạo; tinh bột sắn
- Xông hơi khử trùng
- Kiểm soát dịch hại
- *Cargo quantity inspection*
- *Quality inspection: Peppercorn, Rice, Tapioca Starch*
- *Fumigation services*
- *Pest control services*

4

HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HALAL
HALAL CERTIFICATION ACTIVITIES

- Hợp tác với các tổ chức chứng nhận Halal uy tín quốc tế, định hướng chiến lược phát triển bền vững trong tương lai.
- *Cooperation with reputable international Halal certification bodies, with a strategic orientation toward sustainable development in the future.*

5

PHỤC VỤ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
STATE INSPECTION SERVICES

- Thực hiện Ủy quyền Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu
- *Authorized to Conduct State Quality Inspection of Imported Fertilizers*

6

KHẢO NGHIỆM
FIELD TRIALS

- Khảo nghiệm phân bón
- Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
- Khảo nghiệm giống cây trồng
- *Fertilizer field trials*
- *Plant protection chemical field trials*
- *Crop variety field trials*

Chính sách CHẤT LƯỢNG

Quality policy

“ Phục vụ khách hàng tận tụy,
chất lượng, trung thực, hiệu quả
và phát triển bền vững là lợi thế chiến lược.

Serving customers with dedication,
quality, integrity, efficiency,
and sustainable development is our strategic advantage.

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH SAIGONCERT
SAIGONCERT CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

CAM KẾT / COMMITMENT

Không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng công việc, đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu của khách hàng.

Continuously improve the management system, enhance work quality, and fully meet all customer requirements.

Tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên không ngừng trao đổi kiến thức, nâng cao kỹ năng trình độ và thái độ làm việc.

Provide opportunities for staff to continuously enhance their knowledge, improve skills and professional competence, and develop a positive work attitude.

Từng bước đầu tư trang thiết bị, máy móc phục vụ tối đa yêu cầu của công việc.

Gradually invest in equipment and machinery to fully support the requirements of the work.

Thường xuyên cải tiến để nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015, ISO 17025:2017, ISO 17065:2012, ISO 17021, ISO 17020:2012

Continuously improve to enhance the effectiveness and efficiency of the quality management system in accordance with ISO 9001:2015, ISO/IEC 17025:2017, ISO/IEC 17065:2012, ISO/IEC 17021, and ISO/IEC 17020:2012.

Tập trung nâng cao trình độ nguồn nhân lực với lý tưởng ‘phát triển-hiệu quả-bền vững’ trong chứng nhận và thử nghiệm với mục tiêu đa ngành nghề, đa lĩnh vực đạt chất lượng cao nhất.

Focus on enhancing the competency of human resources with the ideal of ‘development – efficiency – sustainability’ in certification and testing, aiming to achieve the highest quality across multiple industries and sectors.

GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ THỬ NGHIỆM

Certificates and accreditations for testing



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5145/TTTV - KHCN Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chứng nhận:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert

Địa chỉ: 139 Man Thiện, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0793827777 Fax:

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực hóa học - đối tượng thử nghiệm an toàn thực phẩm đối với nông sản có nguồn gốc thực vật (Tên sản phẩm, tên phép thử và phương pháp thử tương ứng trong Phụ lục ban hành kèm theo giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: TN 169 -25 BNN.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 27/01/2030 kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như mục 1;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Vụ KH&CN (để p/h);
- VP Bộ, Cục CDS (để thông tin);
- VP Cục (để đăng website);
- Lưu: VT, KHCN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Quý Dương

Saigoncert được Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 5145/TTTV-KHCN cấp ngày 31/12/2025 cho chỉ tiêu Auramin O (Vàng O) trên Sầu riêng.

Saigoncert has been granted the Certificate of Registration for Testing Activities No. 5145/TTTV-KHCN by the Department of Crop Production and Plant Protection, issued on December 31, 2025, for the parameter Auramine O (Vang O) in durian.

2/2

Phụ lục DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo văn bản số 5145/TTTV-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

Stt	Tên sản phẩm	Tên phép thử	Phương pháp thử
1.	Nông sản có nguồn gốc thực vật (Sầu riêng)	Auramine O (Vàng O)	SGC.NS.001

Saigoncert được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Bộ Khoa học và Công nghệ cấp các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm cho hơn 150 chỉ tiêu Hóa – lý và Vi sinh cho các lĩnh vực phân bón, thức ăn chăn nuôi, giống, đất, nước, rau, củ quả ...

Saigoncert has been granted testing activity registration certificates by the Directorate for Standards, Metrology and Quality – Ministry of Science and Technology for more than 150 chemical, physical, and microbiological testing parameters in the fields of fertilizers, animal feed, seeds, soil, water, vegetables, fruits, and more.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Số: 3676 /TĐC-HCHQ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT

Địa chỉ liên lạc: 139 Mãn Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 62730585/0793827777 Fax: 028. 22536755

Email: knknpb9999@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 70/TN-TĐC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần hai (02) và có hiệu lực đến ngày 09/6/2027.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;
- Phó TCT Phụ trách Hà Minh Hiệp (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**


Nguyễn Hoàng Linh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Số: 3581 /TĐC - HCHQ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT

Địa chỉ: 139 Mãn Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02862730585/0793827777 Fax: 028.22536755

E-mail: knknpb9999@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học, Sinh học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 70/TN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Phó TCT Phụ trách Hà Minh Hiệp (để b/c);
- Lưu VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**


Nguyễn Hoàng Linh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Số: 2500 /TĐC-HCHQ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT

Địa chỉ liên lạc: 139 Mãn Thiện, Phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 62730585/0793827777 Fax: 028. 22536755

Email: knknpb9999@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học, Sinh học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 70/TN-TĐC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần ba (03) và có hiệu lực đến ngày 09/6/2027.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**


Hà Minh Hiệp

Saigoncert được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Bộ Khoa học và Công nghệ cấp các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm cho hơn 140 chỉ tiêu Hóa – lý và Vi sinh cho các lĩnh vực thức ăn thủy sản; Thuốc bảo vệ thực vật ...

Saigoncert has been granted testing activity registration certificates by the Directorate for Standards, Metrology and Quality – Ministry of Science and Technology for more than 140 chemical, physical, and microbiological testing parameters in the fields of aquafeed, pesticides, and more.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3745/TDC-HCHQ

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT

Địa chỉ liên lạc: 139 Man Thiện, Phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 62730585/0793827777 Fax: 028. 22536755

Email: knknptb9999@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Sinh học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 70/TN-TĐC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần bốn (04) và có hiệu lực đến ngày 09/6/2027.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

Q. TÓNG CỤC TRƯỞNG

Hà Minh Hiệp

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 536 /GCN-BKHCN

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-BKHCN ngày 21/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ký các văn bản giải quyết thủ tục hành chính về hoạt động đánh giá sự phù hợp; xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT

Địa chỉ liên lạc: 139 Mãn Thiện, Phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 62730585/0793827777 Fax: 028. 22536755

Email: knknpb9999@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học, Sinh học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 70/TN-TDC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần sáu (06) và có hiệu lực đến ngày 09/6/2027.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định (để b/c);
- Lưu: VT, TDC.

TU. BỘ TRƯỞNG
Q. CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Hà Minh Hiệp

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 258 /GCN-BKHCN

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-BKHCN ngày 21/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ký các văn bản giải quyết thủ tục hành chính về hoạt động đánh giá sự phù hợp; xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT

Địa chỉ liên lạc: 139 Mãn Thiện, Phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 62730585/0793827777 Fax: 028. 22536755

Email: knknpb9999@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học, Sinh học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 70/TN-TDC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần năm (05) và có hiệu lực đến ngày 09/6/2027.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định (để b/c);
- Lưu: VT, TDC.

TU. BỘ TRƯỞNG
Q. CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Hà Minh Hiệp

Saigoncert được Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật cấp quyết định số 3773/TTTV-KHCN ngày 28/10/2025 về việc

CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM LĨNH VỰC PHÂN BÓN VÀ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Saigoncert was granted Decision No. 3773/TTTV-KHCN, dated 28/10/2025, by the Plant Production and Protection Department regarding the

Designation as a Testing Organization in the Fields of Fertilizers and Plant Protection Products.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
Số: 3773/TTTV-KHCN Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH Về việc cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 8 năm 2019 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;

Căn cứ Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

Thông tư số 12/2018/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đối với Phòng thử nghiệm SGC thuộc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert (địa chỉ: Số 139 Mạn Thiện, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 0918545332). Danh mục các phương

pháp thử được chỉ định chi tiết tại các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Lý do cấp lại quyết định: thay đổi địa chỉ Công ty.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 10 tháng 6 năm 2027.

Quyết định thay thế các Quyết định số 2107/QĐ-BVTV-KHTH ngày 23/9/2024; số 2642/QĐ-BVTV-KHTH ngày 21/11/2024; số 314/QĐ-BVTV-KHTH ngày 20/02/2025 của Cục Bảo vệ thực vật.

Điều 3. Phòng thử nghiệm SGC thuộc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban TCĐLCLQG (để biết);
- Vụ KH&CN (để biết);
- Văn phòng Bộ (đăng website);
- Văn phòng Cục (đăng website);
- Phòng QL&B (phối hợp);
- Lưu VT, KHCN.

CỤC TRƯỞNG
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Huỳnh Tấn Đạt

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC CHĂN NUÔI
Số: 05/QĐ-CN-TACN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định phương pháp thử nghiệm lĩnh vực chăn nuôi

CỤC TRƯỞNG CỤC CHĂN NUÔI

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;
Căn cứ Quyết định số 1398/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;
Căn cứ Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi khoản 2 Điều 3 Quyết định số 1398/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP;
Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;
Căn cứ hồ sơ đăng ký chỉ định Phòng thử nghiệm của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Thức ăn chăn nuôi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT (địa chỉ: 139 Mãn Thận, phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; điện thoại: 028.6273.0585; email: knknpb@gmail.com) thực hiện thử nghiệm thức ăn chăn nuôi. Danh mục các phép thử được chỉ định tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 09/6/2027.

Điều 3. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải

tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thử nghiệm do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Trưởng phòng Thức ăn chăn nuôi, Thủ trưởng đơn vị có tên nêu tại Điều 1, các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công ty CP CN & GD SAIGONCERT;
- TT, Tin học và Thống kê (để đăng tải);
- Vụ KHCN & MT (để biết);
- Cục QLCLNLST (để biết);
- Tổng cục TĐC, Bộ KHCN (để biết);
- Lưu: VT, TACN.

CỤC TRƯỞNG
CỤC CHĂN NUÔI
Dương Tất Thắng

Saigoncert được Cục Chăn nuôi cấp quyết định số 05/QĐ-CN-TACN ngày 12/01/2023 về việc

**CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM
LĨNH VỰC THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Saigoncert was granted Decision No. 05/QĐ-CN-TACN, dated 12/01/2023, by the Department of Livestock Production regarding the

Designation as a Testing Organization in the Field of Animal Feed.

Saigoncert được Cục Thủy sản
cấp quyết định số
29/QĐ-TS-KHCN&HTQT
ngày 12/02/2025 về việc
**CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC THỬ
NGHIỆM LĨNH VỰC THỨC ĂN
THỦY SẢN**

Saigoncert was granted
Decision No.
29/QĐ-TS-KHCN&HTQT,
dated 12/02/2025, by the
Directorate of Fisheries regard-
ing the
Designation as a Testing
Organization in the Field of
Aquafeed

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THỦY SẢN

Số: **29** /QĐ-TS-KHCN&HTQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **12** tháng **02** năm **2025**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm
CỤC TRƯỞNG CỤC THỦY SẢN

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Quyết định 1786/QĐ-BNN-TCCB ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thủy sản;

Căn cứ Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SaiGonCert (địa chỉ: 139 đường Man Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại: 079.382.7777; email: knknpb9999@gmail.com) thực hiện thử nghiệm lĩnh vực thức ăn thủy sản. Danh mục phép thử được chỉ định tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này đến ngày 09/6/2027.

Điều 3. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SaiGonCert có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế; Thủ trưởng đơn vị có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SaiGonCert;
- Bộ KHCN, Tổng cục DLG (để biết);
- Vụ KHCN&MT (để b/c);
- TT Tin học và Thống kê (website Bộ NN&PTNT);
- TT Thông tin Thủy sản (website Cục TS);
- Lưu VT, KHCN & HTQT (03b).

CỤC TRƯỞNG
CỤC THỦY SẢN
Trần Đình Luân

Saigoncert được công nhận ISO/IEC 17025:2017 của Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc gia - Ủy Ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng với mã số VILAS 1101 cho gần 150 chỉ tiêu hóa lý và vi sinh.

Saigoncert is accredited to ISO/IEC 17025:2017 by the National Accreditation Office for Quality – Directorate for Standards, Metrology and Quality, under accreditation number VILAS 1101, for nearly 150 chemical, physical, and microbiological testing parameters.



GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ CHỨNG NHẬN

Certificates Designations
for Certification



GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ CHỨNG NHẬN
LĨNH VỰC THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Saigoncert được công nhận
ISO/IEC 17065:2012 của Văn phòng
công nhận chất lượng – Bộ Khoa
học và Công nghệ với mã số
VICAS 058 – Pro
cho lĩnh vực phân bón và thức ăn
chăn nuôi.

Saigoncert is accredited to
ISO/IEC 17065:2012
by the Vietnam Accreditation Office – Ministry
of Science and Technology, under accredita-
tion number
VICAS 058-Pro
for the fields of fertilizers and animal feed.



Saigoncert được Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 3763/TTTTV-KHCN ngày 28/10/2025 và Quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy số 3764/TTTTV-KHCN ngày 28/10/2025 lĩnh vực phân bón. Theo đó Saigoncert thực hiện việc chứng nhận hợp quy sản phẩm phân bón phù hợp với quy định tại QCVN 01-189:2019/BN-NPTNT về chất lượng phân bón (Bao gồm phương thức chứng nhận 5 và 7).

Saigoncert was granted Registration Certificate No. 3763/TTTTV-KHCN, dated 28/10/2025, and Designation Decision No. 3764/TTTTV-KHCN, dated 28/10/2025, by the Plant Production and Protection Department for certification activities in the field of fertilizers.

Accordingly, Saigoncert carries out conformity certification for fertilizer products in accordance with QCVN 01-189:2019/BN-NPTNT on fertilizer quality (including Certification Methods 5 and 7).

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3763/TTTTV - KHCN Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khoa học công nghệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chứng nhận:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert
Lý do cấp lại Giấy chứng nhận: thay đổi địa chỉ Công ty.
Địa chỉ cũ: 139 Mãn Thiến, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ mới: 139 Mãn Thiến, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0918545332 Email: saigoncert.ho@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm đối với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực phân bón phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật.

* Ghi chú: Phân bón là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert chỉ được thực hiện chứng nhận hợp quy sản phẩm này khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

2. Số đăng ký: CN 10 – 18 BNN.

3. Giấy chứng nhận cấp lần 2 (cấp lại do thay đổi địa chỉ) và có hiệu lực đến hết ngày 13/6/2028.

Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số 1431/BVTV-KH ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Cục Bảo vệ thực vật./.

Nơi nhận:
- Như mục 1;
- Bộ KH&CN;
- Vụ KH&CN- Bộ NN&MT;
- Văn phòng Bộ (để đăng website);
- Văn phòng Cục (để đăng website);
- Lưu VT, KHCN.

CỤC TRƯỞNG
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
Huyền Tấn Đạt

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3764/TTTTV-KHCN Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 8 năm 2019 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy sản phẩm phân bón đối với Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert (Địa chỉ: Số 139 Mãn Thiến, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 0918545332). Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert thực hiện việc chứng nhận hợp quy sản phẩm phân bón phù hợp với quy định tại QCVN 01-189:2019/BN-NPTNT về chất lượng phân bón.

Lý do cấp lại quyết định: thay đổi địa chỉ Công ty.

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5, 7.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 13 tháng 06 năm 2028.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1530/QĐ-BVTV-KH ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Cục Bảo vệ thực vật.

Điều 3. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert có trách nhiệm thực hiện việc chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như mục 4;
- Bộ KH&CN (để biết);
- Vụ KH&CN - Bộ NN&MT (để biết);
- Văn phòng Bộ (để đăng website);
- Văn phòng Cục (để đăng website);
- Phòng CSQC, QLPH (để phối hợp);
- Lưu VT, KHCN.

CỤC TRƯỞNG
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
Huyền Tấn Đạt

GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ CHỨNG NHẬN



GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ CHỨNG NHẬN LĨNH VỰC THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Certificates and Designations for Certification in the
Field of Animal Feed

Saigoncert được Cục Chăn nuôi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 59/GCN-CN-TACN ngày 25/5/2022 và Quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy số 163/QĐ-CNTY-TACN ngày 04/06/2025 lĩnh vực thức ăn chăn nuôi

Saigoncert was granted Registration Certificate No. 59/GCN-CN-TACN, dated 25/05/2022, and Designation Decision No. 163/QĐ-CNTY-TACN, dated 04/06/2025, by the Department of Livestock Production for conformity certification activities in the field of animal feed.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC CHĂN NUÔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59 /GCN-CN-TACN Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1398/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi; Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi khoản 2 Điều 3 Quyết định số 1398/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;

Căn cứ Hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thức ăn chăn nuôi, Cục Chăn nuôi chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert
Địa chỉ: Số 139 Man Thiện, phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0793827777; 0903713828
Email: knknpb9999@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong lĩnh vực chứng nhận thức ăn chăn nuôi phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 01-183:2016/BNNPTNT; QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1: 2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT.

2. Số đăng ký: CN 10 - 22 BNN.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 25/5/2027/.

Nơi nhận:

- Trung tâm KKN&KDCN;
- Vụ KHCN và MT (để biết);
- Cục QLCLNLS & TS (để biết);
- TT. Tin học và Thống kê (để đăng tải);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, TACN.

CỤC TRƯỞNG
CỤC CHĂN NUÔI
Dương Tất Thắng

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163 /QĐ-CNTY-TACN Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi
CỤC TRƯỞNG CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi và Thú y;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Hồ sơ đăng ký chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi của Công ty CP Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thức ăn chăn nuôi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty CP Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT (Địa chỉ: Số 139 đường Man Thiện, phường Hiệp Phú, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được chỉ định chứng nhận tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 25/5/2027.

Điều 3. Công ty CP Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT có trách nhiệm thực hiện chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả chứng nhận do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 154/QĐ-CNTY-TACN ngày 02/6/2025 của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y về chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi.

Điều 5. Trưởng phòng Thức ăn chăn nuôi, Công ty CP Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng Bộ (để đăng tải);
- Vụ KHCN (để biết);
- Cục CLB&PTTT (để biết);
- UB TC DLCL Quốc gia,
- Bộ KH&CN (để biết);
- Lưu: VT, TACN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y
Phạm Kim Đăng



GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ CHỨNG NHẬN LĨNH VỰC THỦY SẢN

Certificates and Designations for Certification in the
Field of Aquafeed

Saigoncert được Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp giấy Đăng ký hoạt động số 547/GCN-TSKN ngày 15/05/2025 lĩnh vực thức ăn thủy sản.

Saigoncert was granted Registration Certificate No. 547/GCN-TSKN, dated 15/05/2025, by the Directorate of Fisheries and Fisheries Surveillance for certification activities in the field of aquafeed.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 547 /GCN-TSKN

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Quyết định 246/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Cục Thủy sản và Kiểm ngư chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT

Địa chỉ: 139 Man Thiện, phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 079.382.7777.

Email: saigoncert.hc@gmail.com.

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thức ăn thủy sản (đối với các sản phẩm tại Phụ lục kèm theo).

2. Số đăng ký: CN 10 - 22 BNN.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 24/5/2027./.

Nơi nhận:

- Như mục 1;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Vụ KH&CN (để b/c);
- TT Thông tin TS và KN (website TSKN);
- Lưu VT, KHCN&HTQT (03b)



Trần Đình Luân

GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ CHỨNG NHẬN

VietGAP



GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ CHỨNG NHẬN LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN VIETGAP

Certificates and Designations for Certification
for VietGAP Certification

Saigoncert được Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 3947/TTTV-TTBVTV ngày 05/11/2025 cho sản phẩm trồng trọt phù hợp TCVN 11892-1:2017 Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) Phần 1: Trồng trọt.

Saigoncert was granted Registration Certificate No. 3947/TTTV-TTBVTV, dated 05/11/2025, by the Plant Production and Protection Department for certification activities of crop products in compliance with TCVN 11892-1:2017 – Good Agricultural Practices (VietGAP). Part 1: Crop Production.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3947 /TTTV-TTBVTV

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT.

Địa chỉ liên lạc: 139 Đường Man Thiện, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0918545332

Email: saigoncert.hc@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành nông nghiệp trong lĩnh vực sản phẩm trồng trọt được sản xuất, sơ chế phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) Phần 1: Trồng trọt.

2. Số đăng ký: CN 98 - 24 BNN

3. Giấy chứng nhận được cấp lần hai, có hiệu lực đến ngày 29 tháng 8 năm 2029 và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 213/GCN-TT-KHTH ngày 30/8/2024 của Cục Trồng trọt.

Nơi nhận:

- Bộ phận một cửa (để trả kết quả);
- Cục trưởng (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Vụ KH&CN (để b/c);
- Cục CDS (để đăng website Bộ);
- Văn phòng Cục (để đăng website Cục);
- Lưu: VT, TTBVTV.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC
TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ
THỰC VẬT

Nguyễn Quý Dương



GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ CHỨNG NHẬN LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG

Certificates and Designations for System Certification

Saigoncert được Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 6265/GCN-SKHCN ngày 25/12/2025 hoạt động chứng nhận đối với ngành khoa học và công nghệ trong lĩnh vực chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001/ISO 9001

Saigoncert has been granted the Certificate of Registration for Certification Activities No. 6265/GCN-SKHCN by the Ho Chi Minh City Department of Science and Technology on December 25, 2025, authorizing certification activities in the field of science and technology for management system certification in accordance with TCVN ISO 9001 / ISO 9001 standards.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 6265/GCN-SKHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Khoa học và Công nghệ chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT (Tên tiếng Anh: SAIGONCERT CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY)

Địa chỉ: Số 139 đường Man Thiện, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0793827777; E-mail: saigoncert.hc@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành khoa học và công nghệ trong lĩnh vực chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001/ISO 9001.

2. Số đăng ký: 03-CN/HCM-KHCN.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SAIGONCERT;
- UBND Thành phố (để b/c);
- Ủy ban TCDLCL Quốc gia (để b/c);
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Ông Nguyễn Kỳ - PGĐ Sở KHCN;
- Lưu: VT, TDC (2b).M.3

GIÁM ĐỐC

Lâm Đình Thắng



GIẤY CHỨNG NHẬN VỀ CHỨNG NHẬN GIÁM ĐỊNH

Certificates for Inspection Certification

Saigoncert được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định số 3408/TĐC-HCHQ ngày 24/11/2022 cho các sản phẩm Hạt tiêu, gạo, tinh bột sắn,...

(Saigoncert was granted Inspection Activity Registration Certificate No. 3408/TĐC-HCHQ, dated 24/11/2022, by the Directorate for Standards, Metrology and Quality – Ministry of Science and Technology, for inspection of products such as pepper, rice, cassava starch, and others.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Số: 3408 /TĐC - HCHQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert
Địa chỉ liên lạc: 139 Man Thiện, Phường Hiệp Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028. 62730585 Fax: 028. 22536755
Email: knknp9999@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động giám định đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực:
Giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (chỉ tiết theo Phụ lục kèm theo giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: **91/GĐ - TĐC.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert;
- Bộ KH&CN (để lưu);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Linh

Phụ lục
**LIÊN LỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
VÀ TIÊU CHUẨN TƯƠNG ƯNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH**
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 3408/TĐC - HCHQ ngày 24/11/2022 của Tổng cục trưởng, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định
1	Hạt tiêu, gạo	Thực hiện theo Quy trình giám định tương ứng do Công ty công bố áp dụng: QT-NV-17 QT-NV-20 HD-NV-02
2	Tinh bột sắn	Thực hiện theo Quy trình giám định tương ứng do Công ty công bố áp dụng: QT-NV-23 HD-NV-02

Ghi chú:
- QT-NV-xx; HD-NV-yy: Phương pháp, quy định giám định nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert.
- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert phải được chỉ định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng trước khi thực hiện giám định.





GIẤY CHỨNG NHẬN VỀ XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG

Certificates for Fumigation

Saigoncert được Cục Bảo vệ Thực vật cấp giấy chứng nhận Hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật số 048/XHKT/BVTV-KD.

Saigoncert was granted Plant Quarantine Treatment Practice Certificate No. 048/XHKT/BVTV-KD by the Plant Protection Department for conducting treatment of regulated plant quarantine articles

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness	
			
GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT <i>Certificate of Qualified Treatment Practice for Regulated Articles</i> Số (No.): 048/XHKT/BVTV-KD			
Tổ chức (Service provider):	Công ty Cổ phần Chứng nhận và giám định Saigoncert.....		
Địa chỉ (Address):	Số 139 đường Man Thiện, P. Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.		
Biện pháp xử lý (Treatment method):	Xông hơi khử trùng.....		
Phạm vi (Scope of services):	Hàng hóa xuất nhập khẩu và bảo quản nội địa		
Quy mô (Scale):	300.000 m ³ /năm.....		
Có giá trị đến ngày (Date of expiry):	17/12/2029.....		
Ngày cấp (date of issue): 17/12/2024 CỤC TRƯỞNG DIRECTOR GENERAL  Huỳnh Tấn Đạt			

GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CHỈ ĐỊNH VỀ CHỨNG NHẬN



GIẤY CHỨNG NHẬN VỀ XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG Certificates for Fumigation

Saigoncert được Cục Bảo vệ Thực vật cấp quyết định số 2938/QĐ-BVTV ngày 17/12/2024 về việc chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

Saigoncert was granted Decision No. 2938/QĐ-BVTV, dated 17/12/2024, by the Plant Protection Department, certifying its eligibility to conduct the treatment of regulated plant quarantine articles using fumigation methods.

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: 2938 /QĐ-BVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (KDTV) số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và KDTV: giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thương; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV;

Căn cứ Quyết định số 4188/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục Bảo vệ thực vật (BVTV);

Căn cứ Biên bản kiểm tra điều kiện hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV đối với Công ty Cổ phần Chứng nhận và giám định Saigoncert tại địa chỉ: Số 139 đường Man Thiện, P. Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV xuất nhập khẩu và bảo quản nội địa bằng biện pháp xông hơi khử trùng của Công ty Cổ phần Chứng nhận và giám định Saigoncert;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Chứng nhận và giám định Saigoncert;

Xét đề nghị của Trưởng phòng KDTV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận hành nghề

Chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV xuất nhập khẩu và bảo quản nội địa bằng biện pháp xông hơi khử trùng cho Công ty Cổ phần Chứng nhận và giám định Saigoncert (Địa chỉ: Số 139 đường Man Thiện, P. Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh) với quy mô 300.000 m³/năm.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

Thực hiện xử lý vật thể thuộc diện KDTV xuất nhập khẩu và bảo quản nội địa bằng biện pháp xông hơi khử trùng theo đúng quy trình kỹ thuật đăng ký với Cục BVTV.

Chịu trách nhiệm về kết quả và xác nhận kết quả xử lý vật thể thuộc diện KDTV xuất nhập khẩu và bảo quản nội địa bằng biện pháp xông hơi khử trùng theo quy định;

Thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm tình hình hoạt động xử lý vật thể thuộc diện KDTV;

Chịu sự thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của Cục BVTV trong quá trình hoạt động.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4

- Lưu VT, KDTV.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Đạt



GIẤY CHỨNG NHẬN VỀ XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG

Certificates for Fumigation

Saigoncert được Cục Bảo vệ Thực vật cấp quyết định số 24/QĐ-BVTV ngày 08/01/2025 về việc giao dấu hành nghề xông hơi khử trùng bằng Methyl Bromide đối với vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế.

Saigoncert was granted Decision No. 24/QĐ-BVTV, dated 08/01/2025, by the Plant Protection Department, authorizing the use of the professional fumigation stamp for Methyl Bromide treatment of wood packaging materials in international trade.

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 /QB-BVTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dấu hành nghề xông hơi khử trùng bằng Methyl Bromide đối với vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (KDTV) số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và KDTV; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV;

Căn cứ Quyết định số 4188/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục Bảo vệ thực vật (BVTV);

Căn cứ Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV bằng biện pháp xông hơi khử trùng số 048/XHKTBVTV-KD ngày 17/12/2024 của Cục BVTV;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Chứng nhận và giám định Saigoncert;

Xét đề nghị của Trưởng phòng KDTV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Cho phép Công ty Cổ phần Chứng nhận và giám định Saigoncert, địa chỉ: Số 139 đường Man Thiện, P. Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được sử dụng dấu hành nghề xông hơi khử trùng bằng Methyl bromide đối với vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế với mã số như sau:

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc vui lòng liên hệ: Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật). Điện thoại: 024.3533.4036. Địa chỉ: Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội.

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo để các phòng thử nghiệm có nhu cầu biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Hoàng Trung (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- PCT Nguyễn Quang Hiếu (để biết);
- Cục CCPT (để p/h);
- Lưu: VT, ATTPMT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Quý Dương

GIẤY CHỨNG NHẬN VỀ KIỂM SOÁT DỊCH HẠI

Certificates for Pest Control Services

Saigoncert được Sở y tế Tp. Hồ Chí Minh và Sở y tế Tp. Hà Nội công nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm.

Saigoncert has been recognized by the Ho Chi Minh City Department of Health and the Hanoi Department of Health as meeting the requirements to provide insect and microbial control services in the household and medical sectors using chemical preparations.





Chứng nhận HALAL

Halal Certification

Chứng nhận Halal là quá trình đánh giá và xác nhận sản phẩm, dịch vụ hoặc hệ thống quản lý đáp ứng quy định của Luật Hồi giáo (Shariah), bảo đảm nguyên liệu, quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng đều tuân thủ tiêu chuẩn Halal. Đây là chìa khóa giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu sang các quốc gia Hồi giáo, nâng cao uy tín thương hiệu, kiểm soát rủi ro và tạo lợi thế cạnh tranh. Việc áp dụng và chứng nhận Halal góp phần giúp doanh nghiệp hội nhập quốc tế và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường Halal toàn cầu

Halal certification is the process of evaluating and verifying that a product, service, or management system complies with Islamic Law (Shariah), ensuring that ingredients, production processes, and quality control adhere to Halal standards. It is a key factor enabling businesses to expand export markets to Muslim countries, enhance brand credibility, manage risks, and gain competitive advantages. Implementing and obtaining Halal certification helps enterprises integrate into international markets and meet the growing demand of the global Halal industry.



Quyết định

ỦY QUYỀN THỰC HIỆN KIỂM TRA NHÀ NƯỚC

Decision on Authorization to Perform State Inspection

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3772 /TTTV-KHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp lại Quyết định ủy quyền thực hiện kiểm tra nhà nước chất lượng phân bón nhập khẩu

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Luật Trồng trọt số 31/2028/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 8 năm 2019 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp lại Quyết định ủy quyền của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Quyết định Ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert có trụ sở tại số 139 Man Thiện, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu.

Lý do cấp lại Quyết định Ủy quyền: thay đổi địa chỉ Công ty.

Địa chỉ cũ: 139 Man Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ mới: 139 Man Thiện, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu theo các quy định sau:

1. Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu theo quy định tại Điều 19 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về Quản lý phân bón (sau đây gọi tắt là Nghị định 84/2019/NĐ-CP).

2. Các phương pháp thử áp dụng để kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu phải được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTTV) chỉ định.

3. Tiếp nhận, kiểm tra và thông báo kết quả đăng ký kiểm tra chất lượng nhà nước về phân bón theo đúng thời gian quy định. Hồ sơ, trình tự kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Nghị định 84/2019/NĐ-CP, hồ sơ có chỉ tiêu chất lượng chưa được chỉ định cho các phòng thử nghiệm trong nước quy định tại Mục c, Khoản 2 và hồ sơ miễn giảm kiểm tra chất lượng phân bón nhập khẩu quy định tại Khoản 3 Điều này.

4. Bảo quản mẫu kiểm tra chất lượng phân bón nhập khẩu trong thời gian 3 tháng kể từ ngày lấy mẫu. Mẫu bảo quản phải có tem niêm phong và được lưu trữ trong điều kiện phù hợp để đảm bảo chất lượng phân bón.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Cục TTTV. Báo cáo định kỳ hàng tháng về Cục Bảo Trồng trọt và vệ thực vật về tình hình và kết quả kiểm tra nhà nước chất lượng phân bón nhập khẩu. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 20 hàng tháng (số liệu chốt đến ngày 15 hàng tháng).

6. Báo cáo ngay bằng văn bản cho Cục trưởng Cục TTTV đối với các trường hợp lô hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu hoặc trong trường hợp có nghi ngờ về mặt chất lượng;

7. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi ảnh hưởng tới hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu hoặc có khó khăn vướng mắc liên quan tới công tác kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu phải báo cáo về Cục TTTV để kịp thời xử lý.

Điều 3. Thời hạn ủy quyền đến hết ngày 13/6/2026.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1635/QĐ-TTTV-KHCN ngày 12 tháng 6 năm 2025.

Điều 4. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Cục TTTV về hoạt động kiểm tra nhà nước trong thời gian được ủy quyền và kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu đã cấp. Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert, Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Hải quan (để phối hợp);
- Chi cục Hải quan các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Các đơn vị nhập khẩu phân bón (để biết);
- Phòng QLTV (để phối hợp);
- Văn phòng Bộ (để đăng website);
- Văn phòng Cục (để đăng website);
- Lưu: VT, KHCN.



Huỳnh Tấn Đạt

2

Saigoncert được Cục Trồng Trọt và Bảo vệ Thực vật cấp Quyết định số 3772/TTTV-KHCN ngày 28/10/2025 về việc Ủy quyền thực hiện kiểm tra nhà nước chất lượng phân bón nhập khẩu.

Saigoncert was granted Decision No. 3772/TTTV-KHCN, dated 28/10/2025, by the Plant Production and Protection Department, authorizing the company to perform state quality inspection of imported fertilizers.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TRUNG TÂM

Certificate of Registration
for Scientific and Technological Activities of the Center

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu ngày 19/10/2016.
Đăng ký thay đổi lần 05 ngày 06/04/2021.

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ HÓA
VÀ DINH DƯỠNG CÂY TRỒNG

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

CENTER FOR CHEMICAL TECHNOLOGY
AND PLANT NUTRITION

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: CTPN

Trụ sở chính:

139 Man Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số vốn đăng ký: 1.600.000.000 đồng

Trong đó, Vốn cố định : 800.000.000 đồng

Vốn lưu động : 800.000.000 đồng

Cơ quan quyết định thành lập:

Không có, (Tổ chức do cá nhân thành lập).

Cơ quan quản lý trực tiếp:

Không có, (Tổ chức do cá nhân thành lập).

Người đứng đầu tổ chức:

- Họ và tên: Trần Quốc Tuấn
- Căn cước công dân số: 015073000114
- Nơi cấp: Bộ Công an
- Ngày cấp: 04/7/2024.

SỐ ĐĂNG KÝ: 337/ĐK-KHCN

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

1. Nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng trong lĩnh vực: Công nghệ hóa vô cơ và phân bón hóa học; Nông hóa; Thổ Nhưỡng; Cây lương thực và cây thực phẩm; Cây rau, cây hoa và cây ăn quả; Cây công nghiệp và cây dược liệu; Bảo vệ thực vật; Lâm sinh, sinh thái và môi trường rừng.
2. Sản xuất thử - thử nghiệm các sản phẩm từ kết quả nghiên cứu theo lĩnh vực đăng ký.
3. Dịch vụ khoa học và công nghệ theo lĩnh vực đăng ký: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tư vấn, giám sát và đánh giá các đề tài dự án trong lĩnh vực đăng ký; Dịch vụ triển lãm khoa học và công nghệ; tổ chức chợ công nghệ và thiết bị trong lĩnh vực đăng ký; Dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Dịch vụ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; Dịch vụ giám định số lượng, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia; Huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn (chỉ được cấp giấy chứng nhận, đối với việc cấp văn bằng, chứng chỉ phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).
4. Hợp tác trong và ngoài nước theo lĩnh vực đăng ký phù hợp Luật định./.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) *XN*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2025

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thanh Minh

QUYẾT ĐỊNH VỀ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Decision on the Recognition
of a Fertilizer Testing/Field Trial Organization

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định số : 2750/QĐ-BVTV-KH - Công nhận Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng là "Tổ chức đủ điều kiện Khảo nghiệm phân bón

On 15 October 2018, the Plant Protection Department – Ministry of Agriculture and Rural Development issued Decision No. 2750/QĐ-BVTV-KH, recognizing the Center for Research on Chemical Technology and Plant Nutrition as an "Organization Qualified to Conduct Fertilizer Field Trials.

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT
Số: 2750/QĐ-BVTV-KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH Về việc công nhận tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm phân bón

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Trung tâm Nghiên cứu công nghệ Hóa và Dinh dưỡng cây trồng, địa chỉ tại 139 Man Thiện, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh là tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón.

Điều 2. Trung tâm Nghiên cứu công nghệ Hóa và Dinh dưỡng cây trồng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về khảo nghiệm phân bón tại Việt Nam và các hướng dẫn của Cục Bảo vệ thực vật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chức có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Phòng QLBP (để phối hợp);
- Phòng HTQT&TT (đăng website Cục BVTV);
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến khảo nghiệm phân bón;
- Lưu VT, KH.

CỤC TRƯỞNG
CỤC
BẢO VỆ
THỰC VẬT
Hoàng Trung

QUYẾT ĐỊNH VỀ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Decision on the Recognition
of a Plant Protection Product Field Trial Organization

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1506/QĐ-BVTV-KH Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công nhận Tổ chức Đủ điều kiện Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;
Căn cứ Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
Căn cứ Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;
Căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành;
Căn cứ Thông tư 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật;
Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 23/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Hóa và Dinh dưỡng Cây trồng; Địa chỉ: Số 139 Vạn Thiện, Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, Hồ Chí Minh là Tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 2. Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Hóa và Dinh dưỡng Cây trồng có trách nhiệm:

- Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam và các hướng dẫn của Cục Bảo vệ thực vật;
- Duy trì các điều kiện đảm bảo hoạt động khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật trong suốt thời gian hoạt động.

Điều 3. Chánh văn phòng Cục, Trưởng phòng Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Hóa và Dinh dưỡng Cây trồng và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Phòng QLTT (để p/h);
- Lưu: VT, KH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**
Huỳnh Tấn Đạt

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, Cục Bảo vệ Thực vật – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quyết định số: 1506/QĐ-BVTV-KH – Công nhận Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng là "Tổ chức đủ điều kiện Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật".

On 12 June 2023, the Plant Protection Department – Ministry of Agriculture and Rural Development issued Decision No. 1506/QĐ-BVTV-KH, recognizing the Center for Research on Chemical Technology and Plant Nutrition as an "Organization Qualified to Conduct Field Trials for Plant Protection Products."

QUYẾT ĐỊNH VỀ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG VÙNG ĐÔNG NAM BỘ, ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Decision on the Recognition of a Crop Variety Testing Organization
in the Southeast and Mekong Delta Regions

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quyết định số: 133/QĐ-TT-KHHTH – Công nhận Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng là "Tổ chức đủ điều kiện Khảo nghiệm giống cây trồng".

On 14 June 2022, the Department of Crop Production – Ministry of Agriculture and Rural Development issued Decision No. 133/QĐ-TT-KHHTH, recognizing the Center for Research on Chemical Technology and Plant Nutrition as an "Organization Qualified to Conduct Crop Variety Testing

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRỒNG TRỌT

Số 133/QĐ-TT-KHHTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH Về việc công nhận tổ chức khảo nghiệm

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 và Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Quyết định số 2472/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 929/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng số 01/CTPN ngày 24/12/2021 của Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định, đánh giá hồ sơ, năng lực thực tế và báo cáo hành động khắc phục của Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch, Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng, địa chỉ: số 139 Man Thiện, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng.

Loại cây trồng khảo nghiệm: Lúa, Ngô.

Nội dung khảo nghiệm: Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng, bao gồm: Khảo nghiệm diện hẹp; Khảo nghiệm diện rộng.

Vùng khảo nghiệm: Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Điều 2. Tổ chức khảo nghiệm có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện khảo nghiệm theo đúng quy định; Duyệt các điều kiện của Tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng theo phạm vi được công nhận trong suốt thời gian hoạt động; thông báo về Cục Trồng trọt mọi thay đổi ảnh hưởng tới điều kiện cấp Quyết định

công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi; định kỳ hằng năm (trước 15/12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Cục Trồng trọt kết quả khảo nghiệm theo phạm vi được công nhận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh văn phòng Cục; Trưởng các đơn vị thuộc Cục; Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Cục (đăng tải lên website Cục TT);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHHTH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG


Trần Thị Hòa

QUYẾT ĐỊNH VỀ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC, ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, BẮC TRUNG BỘ

Decision on the Recognition of a Crop Variety Testing Organization
in the Northern Midlands and Mountainous Region, Red River Delta,
and North Central Region

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRỒNG TRỌT

Số 547/QĐ-TT-KHTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH Về việc công nhận tổ chức khảo nghiệm

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT

Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 và Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ đề nghị của Trung tâm Nghiên cứu công nghệ hóa và Dinh dưỡng cây trồng tại văn bản số 02/CTPN ngày 26/12/2023;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng đối với Trung tâm Nghiên cứu công nghệ hóa và Dinh dưỡng cây trồng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch, Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Trung tâm Nghiên cứu công nghệ hóa và Dinh dưỡng cây trồng (Địa chỉ: 139 Man Thiện, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh; Văn phòng đại diện phía Bắc: 74 Tây Sơn, Đống Đa, Tp. Hà Nội) đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng.

1. Loại cây trồng khảo nghiệm: Lúa, Ngô.

2. Nội dung khảo nghiệm: Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống lúa, ngô, bao gồm: Khảo nghiệm diện hẹp; Khảo nghiệm diện rộng.

3. Vùng khảo nghiệm: Trung du miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung bộ.

Điều 2. Tổ chức khảo nghiệm có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện khảo nghiệm theo đúng quy định; thông báo về Cục Trồng trọt mọi thay đổi ảnh hưởng tới điều kiện cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi; định kỳ hàng năm (trước 15/12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Cục Trồng trọt kết quả khảo nghiệm theo phạm vi được công nhận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

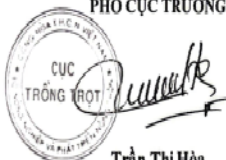
2

Điều 4. Chánh văn phòng Cục; Trưởng các đơn vị thuộc Cục; Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu công nghệ hóa và Dinh dưỡng cây trồng; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng Cục (đăng tải lên website Cục TT);
- Lưu: VT, KHTH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG


Trần Thị Hòa

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Cục Trồng Trọt – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quyết định số: 547/QĐ-TT-KHTH – Công nhận Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng là "Tổ chức đủ điều kiện Khảo nghiệm giống cây trồng

On 29 December 2023, the Department of Crop Production – Ministry of Agriculture and Rural Development issued Decision No. 547/QĐ-TT-KHTH, recognizing the Center for Research on Chemical Technology and Plant Nutrition as an "Organization Qualified to Conduct Crop Variety Testing

QUYẾT ĐỊNH VỀ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Decision on the Recognition of a Crop Variety Testing Organization
in the Central Highlands and South Central Coast Regions

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, Cục Trồng Trọt – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quyết định số: 520/QĐ-TT-KHTH– Công nhận Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng là "Tổ chức đủ điều kiện Khảo nghiệm giống cây trồng.

On 05 November 2024, the Department of Crop Production – Ministry of Agriculture and Rural Development issued Decision No. 520/QĐ-TT-KHTH, recognizing the Center for Research on Chemical Technology and Plant Nutrition as an "Organization Qualified to Conduct Crop Variety Testing.

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRỒNG TRỌT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số 520/QĐ-TT-KHTH

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH Về việc công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt;

Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng kèm theo hồ sơ của Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng và kết quả thẩm định hồ sơ của Tổ thẩm định (thành lập theo Quyết định số 320/QĐ-TT-KHTH ngày 05/7/2024);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch, Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng, địa chỉ: số 139 Man Thiện, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng.

Loại cây trồng khảo nghiệm: Lúa, Ngô.

Nội dung khảo nghiệm: Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng, bao gồm: Khảo nghiệm diện hẹp; Khảo nghiệm diện rộng.

Vùng khảo nghiệm: Tây Nguyên và Duyên hải Nam trung Bộ.

Điều 2. Tổ chức khảo nghiệm có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện khảo nghiệm theo đúng quy định; thống báo về Cục Trồng trọt mọi thay đổi ảnh hưởng tới điều kiện cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi; định kỳ hàng năm (trước 15/12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Cục Trồng trọt kết quả khảo nghiệm theo phạm vi được công nhận.

2

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh văn phòng Cục; Trưởng các đơn vị thuộc Cục; Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ hóa và Dinh dưỡng Cây trồng; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (tổ chức);
- Bộ phận một cửa (tổ chức);
- Văn phòng Cục (đăng tải lên website Cục TT);
- Lưu: VT, KHTH.

**KT, CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Thị Hòa



CÔNG TY CỔ PHẦN

CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH SAIGONCERT

SAIGONCERT CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

Là đơn vị tiên phong trong hoạt động cung cấp dịch vụ thử nghiệm, chứng nhận, giám định, xông hơi khử trùng trên toàn quốc

A pioneer in providing testing, certification, inspection, and fumigation services nationwide



Đội ngũ cán bộ nhân viên có phẩm chất đạo đức trong công việc, nghề nghiệp, giàu kinh nghiệm – giỏi về chuyên môn nghiệp vụ và giải quyết công việc tốt

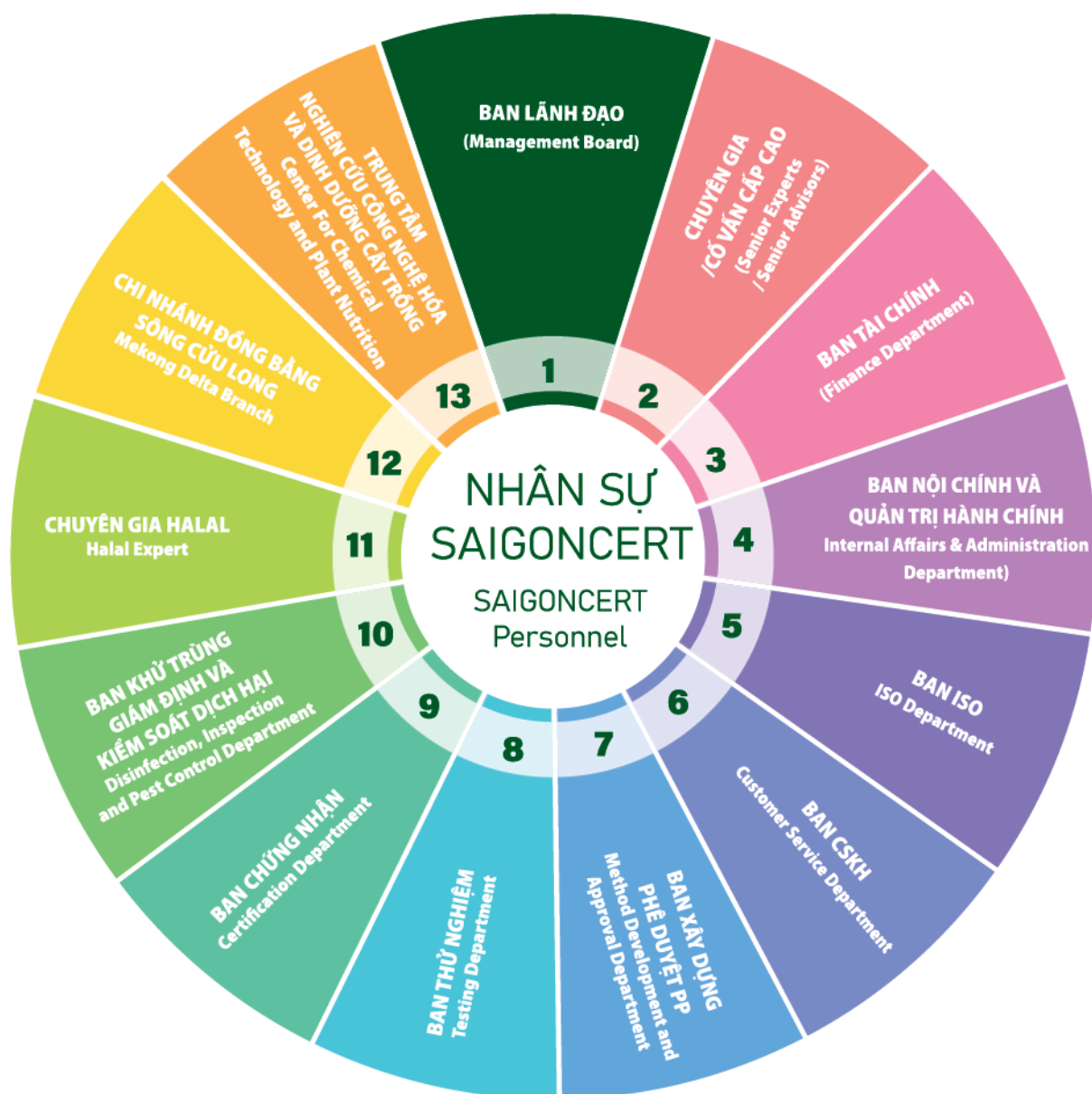
A team of staff with strong professional ethics, extensive experience, high professional expertise, and effective work performance.

Trang bị kỹ thuật phòng thử nghiệm hóa học và vi sinh đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của các Tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế

Equipped with synchronized and modern chemical and microbiological laboratory facilities, meeting the requirements of Vietnamese and international standards.

Áp dụng, duy trì hiệu quả và không ngừng cải tiến các hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO/IEC 9001; TCVN ISO/IEC 17025; TCVN ISO/IEC 17025; TCVN ISO/IEC 17020; TCVN ISO/IEC 17021

Effectively applying, maintaining, and continuously improving quality management systems in accordance with TCVN ISO/IEC 9001; TCVN ISO/IEC 17025; TCVN ISO/IEC 17025; TCVN ISO/IEC 17020; and TCVN ISO/IEC 17021



NHÂN SỰ SAIGONCERT

SAIGONCERT Personnel

Stt (No.)	Ban/Phòng (Department)	Họ Tên (Full Name)	Chức vụ (Position)	Trình độ (Qualification)
01	BAN LÃNH ĐẠO (Management Board)	Trần Quốc Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	Thạc sĩ
		Phạm Thị Thủy	Phó chủ tịch	Đại học
		Phan Chí Hùng	Phó TGĐ	Đại học
		Trần Mạnh Hùng	Giám đốc CN VP Hà Nội Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
02	CHUYÊN GIA /CỐ VẤN CẤP CAO Senior Experts / Senior Advisors	Phạm Chí Thành	Cố vấn cấp cao Đảng vụ	Thạc sĩ
		Ngô Văn Tuấn	Chuyên gia phụ trách Đảng vụ	Thạc sĩ
		Hà Quang Dũng	Trưởng văn phòng đại diện phía bắc Chuyên gia khảo nghiệm giống cây trồng	Tiến sĩ nông nghiệp; Cử nhân Kinh tế
03	BAN TÀI CHÍNH Finance Department	Lương Thị Hằng	Trưởng phòng kế toán tổng hợp	Đại học
		Lê Thị Ca Dao	Trưởng phòng Kế toán công nợ & doanh thu	Đại học
		Trần Thị Hào	Trưởng phòng kế toán và giá thành nội bộ	Đại học
04	BAN NỘI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH Internal Affairs & Administration Department)	Trịnh Thị Diễm Phúc	Trưởng phòng Nội chính & Pháp chế	Đại học
		Cần Thị Hạnh	Trưởng phòng Hành chính, văn thư lưu trữ	Cao đẳng
		Nguyễn Hải Nam	Trưởng phòng Quản trị nội bộ	Đại học
		Châu Nguyễn Kiều Tiên	Trưởng bộ phận Một Cửa	Đại học
		Phạm Phi Yến	Nhân viên bộ phận 1 Cửa	Đại học
		Nguyễn Thị Hiền	Nhân viên bộ phận 1 Cửa	Đại học
		Nguyễn Thị Sinh	Nhân viên bộ phận 1 Cửa Hà Nội	Đại học
		Nguyễn Văn Hiếu	Nhân viên lái xe	Đại học
		Trần Văn Thành Nam	Giám sát khu thực nghiệm/nhân viên lái xe	Trung cấp
		Phạm Thị Thu	Tạp vụ	Trung cấp
		Phạm Xuân Giang	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp
		Nguyễn Ngọc Quang	Nhân viên lái xe	Đại học
05	BAN ISO ISO Department	Cái Thị Đức	Trưởng ban ISO/Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Phùng Thu Phương	Nhân viên Ban ISO	Đại học
06	BAN CSKH Customer Service Department	Nguyễn Hoài Thương	Trưởng Ban chăm sóc khách hàng	Đại học

NHÂN SỰ SAIGONCERT

SAIGONCERT Personnel

Stt (No.)	Ban/Phòng (Department)	Họ Tên (Full Name)	Chức vụ (Position)	Trình độ (Qualification)
07	BAN XÂY DỰNG PHÊ DUYỆT PP Method Development and Approval Department	Ca Quốc Vương	Phó TGD phụ trách Ban XD & Phê duyệt PP Thử nghiệm	Đại học
08	BAN THỬ NGHIỆM Testing Department	Nguyễn Hồ Anh Trãi	Phó TGD phụ trách lĩnh vực Thử nghiệm	Đại học
		Lê Văn Tuyên	Trưởng Ban thử nghiệm	Đại học
		Trương Thị Uyên	Trưởng phòng thử nghiệm Quang phổ	Đại học
		Huỳnh Hoàng Trinh	Trưởng phòng thử nghiệm Hóa lý	Đại học
		Võ Thị Trà My	Trưởng phòng thử nghiệm Vi sinh	Đại học
		Phạm Lâm Thảo Quyên	Thử nghiệm viên	Đại học
		Dương Thị Huyền Mơ	Thử nghiệm viên	Đại học
		Nguyễn Thị Ánh Chi	Thử nghiệm viên	Cao đẳng
		Ngô Quang Đăng	Thử nghiệm viên	Cao đẳng
		Nguyễn Thị Bích Thảo	Thử nghiệm viên	Cao đẳng
		Huỳnh Ái Quy	Nhân viên quản lý hồ sơ	Đại học
		Nguyễn Như Bình	Thử nghiệm viên	Đại học
		Nguyễn Thị Linh Chi	Thử nghiệm viên	Đại học
		Trương Thị Ngọc Minh	Thử nghiệm viên	Đại học
		Phan Thanh Hậu	Thử nghiệm viên	Đại học
		Nguyễn Vinh Đức	Thử nghiệm viên	Đại học
		Trần Thị Ngọc Như	Thử nghiệm viên	Đại học
		Nguyễn Thị Gia Yến	Thử nghiệm viên	Đại học
		Ngô Mai Thùy Dung	Thử nghiệm viên	Đại học
		Đỗ Duy Tân	Thử nghiệm viên	Thạc Sĩ
		Lâm Ánh Minh	Thử nghiệm viên	Đại học
		Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nhân viên quản lý hồ sơ	Đại học
		Huỳnh Thanh Wy	Thử nghiệm viên	Đại học
		Lê Hoàng Thắng	Thử nghiệm viên	Đại học
		Đặng Tuấn Khanh	Thử nghiệm viên	Đại học
		Đồng Hữu Chính	Thử nghiệm viên	Đại học
		Lê Thị Thủy Triều	Thử nghiệm viên	Đại học

Stt (No.)	Ban/Phòng (Department)	Họ Tên (Full Name)	Chức vụ (Position)	Trình độ (Qualification)
09	BAN CHỨNG NHẬN Certification Department	Trương Hoàng Nguyên	Phó TGD phụ trách lĩnh vực chứng nhận GD-KT-KSDH/ Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Võ Thị Huyền Trân	Trưởng Ban chứng nhận/Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Nguyễn Huy	TP Thẩm xét HS & Kỹ thuật và phòng Đánh giá hiện trường/ Chuyên gia đánh giá	Thạc sĩ
		Trần Quốc Toàn	Trưởng phòng KTNN	Đại học
		Trần Việt Trung	Trưởng phòng Giám sát sau chứng nhận Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Lê Nguyễn Minh Trúc	Trưởng phòng QLCL nội bộ BCN Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Khổng Thị Huỳnh Như	Nhân viên ban chứng nhận Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Trần Thị Ngọc Tú	Chuyên gia lấy mẫu	Đại học
		Nguyễn Thị Thùy Linh	Nhân viên bộ phận 1 của KTNN	Đại học
		Hồ Hữu Mạnh	Nhân viên ban chứng nhận Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Đỗ Huy Hoàng	Nhân viên ban chứng nhận Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Nguyễn Thị Thúy	Nhân viên ban chứng nhận Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Lê Thái Hòa	Nhân viên ban chứng nhận Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Nguyễn Thị Thảo	Nhân viên ban chứng nhận Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Ngô Quang Khánh	Nhân viên ban chứng nhận Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Đặng Thị Kiều Trinh	Nhân viên ban chứng nhận Chuyên gia đánh giá	Đại học
		Nguyễn Thị Kim Yến	Nhân viên bộ phận 1 của KTNN	Đại học
		Trần Quốc Đạt	Nhân viên bộ phận 1 của KTNN	Đại học
		Trần Phát Giàu	Nhân viên ban chứng nhận	Đại học
		Nguyễn Hữu Doanh	Nhân viên ban chứng nhận	Đại học
		Nguyễn Phi Nhung	Nhân viên ban chứng nhận	Đại học
		Huỳnh Nhật Phi	Nhân viên ban chứng nhận	Đại học
		Vòng Thế Huy	Nhân viên ban chứng nhận	Đại học
		Bùi Hải Sơn - Lào Cai	Chuyên gia lấy mẫu	Đại học
		Nguyễn Hoàng Công	Chuyên gia lấy mẫu	Đại học
		Đỗ Thị Bé	Chuyên gia lấy mẫu/Cán bộ khảo nghiệm	Thạc sĩ

NHÂN SỰ SAIGONCERT

SAIGONCERT Personnel

Stt (No.)	Ban/Phòng (Department)	Họ Tên (Full Name)	Chức vụ (Position)	Trình độ (Qualification)
10	BAN KHỬ TRÙNG GIÁM ĐỊNH VÀ KIỂM SOÁT DỊCH HẠI Disinfection, Inspection and Pest Control Department	Lý Thị Bích Ngọc	Trưởng ban Giám định, Khử trùng và Kiểm soát dịch hại	Đại học
		Nguyễn Khắc Tuấn	Trưởng phòng Giám định hàng hóa và sinh vật gây hại	Đại học
		Phạm Văn Mùi	Trưởng phòng Khử trùng và xử lý dịch hại	Cao đẳng
		Nguyễn Xuân Phúc	Nhân viên ban Giám định, Khử trùng và Kiểm soát dịch hại	Cao đẳng
		Nguyễn Hữu Phước	Nhân viên ban Giám định, Khử trùng và Kiểm soát dịch hại	Cao đẳng
		Nguyễn Khắc Minh Châu	Nhân viên ban Giám định, Khử trùng và Kiểm soát dịch hại	Cao đẳng
		Trần Văn Công	Nhân viên ban Giám định, Khử trùng và Kiểm soát dịch hại	12/12
		Đinh Như Quỳnh	Nhân viên ban Giám định, Khử trùng và Kiểm soát dịch hại	12/12
11	CHUYÊN GIA HALAL Halal Expert	Nguyễn Ngọc Hưng	Trưởng đại diện chi nhánh Halal phía Bắc	Tiến sĩ
		Tô Trọng Nghĩa	Chuyên gia chứng nhận Halal	Đại học
		Thập Văn Sân	Chuyên gia chứng nhận Halal	Đại học
		Đinh Lê Hoàng	Chuyên gia chứng nhận Halal	Đại học
		Na Sít	Chuyên gia chứng nhận Halal	Đại học
		Đinh Ngọc Anh	Chuyên gia chứng nhận Halal	Đại học
12	CHI NHÁNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Mekong Delta Branch	Trần Châu Ngân	Trưởng Văn phòng Giao dịch Đồng bằng sông Cửu Long	Đại học
		Lê Thanh Liêm	Nhân viên chi nhánh Cần Thơ	Đại học
		Nguyễn Tuấn Phương	Phó Trưởng Văn phòng Giao dịch Đồng bằng sông Cửu Long	Đại học
		Lê Thị Kim Chi	Thư ký Hành chính & Văn thư	Đại học
		Phan Duy Hải	Chuyên viên Phát triển & Kết nối Chuỗi Nông sản	Đại học
13	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ HÓA VÀ DINH DƯỠNG CÂY TRỒNG Center For Chemical Technology and Plant Nutrition	Vũ Thị Mỹ Hạnh	Phó giám đốc phụ trách Hành chính	Thạc sĩ
		Nguyễn Thị Thắng	Phó giám đốc phụ trách chuyên môn	Đại học
		Bùi Hữu Thống	Phó giám đốc phụ trách pháp chế	Thạc sĩ
		Nguyễn Thị Huyền Trang	Trưởng phòng khảo nghiệm phân bón	Đại học
		Trần Thị Nga Mi	Trưởng phòng khảo nghiệm thuốc BVTV	Đại học
		Long Thị Ngân	Trưởng phòng khảo nghiệm giống cây trồng	Đại học
		Mai Thị Ngọc	Cán bộ khảo nghiệm	Thạc sĩ

Stt (No.)	Ban/Phòng (Department)	Họ Tên (Full Name)	Chức vụ (Position)	Trình độ (Qualification)
13	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ HÓA VÀ DINH DƯỠNG CÂY TRỒNG Center For Chemical Technology and Plant Nutrition	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Cán bộ khảo nghiệm	Thạc sĩ
		Trương Tấn Dương	Cán bộ khảo nghiệm	Thạc sĩ
		Nguyễn Huy Hoàng	Cán bộ khảo nghiệm	Thạc sĩ
		Võ Thị Thu Thảo	Cán bộ khảo nghiệm	Thạc sĩ
		Nguyễn Thành Thông	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Hồ Đức Vĩnh	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Phạm Thị Huyền	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Nguyễn Thị Thùy	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Đặng Quốc Phong	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Trần Duy Toàn	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Đỗ Thị Thanh Thảo	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Nguyễn Trọng Nhân	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Nguyễn Văn Viện	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Phạm Ngọc Sơn	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Hoàng Nhật Quang	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Nguyễn Tiến Đạt	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Lê Thị Thúy Hậu	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Lê Thị Kim Thỏa	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Lê Kiều Phi Yến	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Trần Thị Thơ	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Lê Thị Ngọc Thúy	Cán bộ khảo nghiệm	Đại học
		Phạm Văn Dư	Chuyên gia khảo nghiệm giống cây trồng	PGS.TS
		Võ Nguyễn Đăng Khoa	Chuyên gia tư vấn, khảo nghiệm thuốc BVTV, phân bón và giống cây trồng	Tiến sĩ
		Cộng tác viên tại các địa bàn khảo nghiệm	Lao động kỹ thuật (50 người)	Trung cấp



TRANG THIẾT BỊ PHÒNG THỬ NGHIỆM TẠI SAIGONCERT

LABORATORY EQUIPMENT AT SAIGONCERT

Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert đã đầu tư các thiết bị hiện đại, chuyên dụng với độ chính xác cao, đảm bảo đáp ứng về yêu cầu chất lượng phân tích, chính xác và nhanh chóng.

Saigoncert Certification and Inspection Joint Stock Company has invested in modern, specialized, high-precision equipment to ensure analytical quality that is accurate, reliable, and timely.

BỘ CHIẾT BÉO 6 VỊ TRÍ SER 148/6 (Velp - Italy)

SER 148/6 Six-Position Fat Extraction System (Velp - Italy)



Hệ thống chiết chất béo 6 vị trí SER 148/6 là hệ thống chiết dung môi bán tự động hay còn gọi bộ chiết béo tự động SER 148/6 dùng để xác định chất béo thô và tổng trong thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, ...

Thiết bị được thiết kế theo nguyên lý chiết dung môi Randall với ưu điểm là thời gian chiết nhanh và hiệu quả hơn so với nguyên lý Soxhlet. Đầu lọc được chế tạo bằng sợi cotton cellulose với chiều dày 1mm giúp dung môi dễ dàng đi qua với tăng hiệu quả chiết. Dễ dàng vận hành và bảo trì hệ thống. Cho kết quả đo nhanh, chính xác, độ tin cậy cao.

The SER 148/6 six-position fat extraction system is a semi-automatic solvent extraction unit, also known as the automatic SER 148/6 fat extraction apparatus, used for determining crude and total fat in food, animal feed, and related samples.

The instrument is designed based on the Randall solvent extraction principle, providing faster and more efficient extraction compared to the traditional Soxhlet method. The filter thimbles are made of 1 mm-thick cotton cellulose, allowing solvents to pass through easily and improving extraction efficiency. The system is easy to operate and maintain, delivering fast, accurate, and highly reliable results.

Bộ chiết xơ 6 chỗ FIWE6 (Velp- Italy)

FIWE6 Six-Position Fiber Extraction Unit (Velp - Italy)



Bộ chiết xơ 6 chỗ FIWE6 được thiết kế theo phương pháp Weende và AOAC để xác định hàm lượng xơ tổng và phương pháp Van Soest để xác định hàm lượng ADF, NDF và hàm lượng lignin, cellulose, hemicellulose trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

Thiết bị được chế tạo thép không gỉ sơn phủ Epoxy, có thể chiết nóng và chiết lạnh, hoạt động đơn giản, thân thiện với người sử dụng, cho kết quả phân tích có độ chính xác cao.

The FIWE6 six-position fiber extraction unit is designed according to the Weende and AOAC methods for determining total fiber content, and the Van Soest method for determining ADF, NDF, as well as lignin, cellulose, and hemicellulose levels in food and animal feed.

The device is constructed from stainless steel with an epoxy coating and supports both hot and cold extraction. It is easy to operate, user-friendly, and provides highly accurate analytical results.

Tủ ấm Memmert IN55 (Đức)

Memmert IN55 Incubator (Germany)

Tủ ấm Memmert IN55 53 lít được sử dụng rộng rãi trong các phòng thí nghiệm để sấy khô, làm nóng, tốc độ gia nhiệt nhanh. Nhiệt độ hoạt động từ 5°C–80°C, độ phân giải 0,1°C, sử dụng đầu dò nhiệt độ Pt100 DIN Class A kiểm soát quá nhiệt bằng điện tử và bộ giới hạn nhiệt độ dạng cơ TB, cấp bảo vệ class 1 theo tiêu chuẩn DIN 12 880 tự ngắt khi nhiệt độ vượt quá khoảng 20°C trên nhiệt độ cài đặt

The Memmert IN55 incubator (53 liters) is widely used in laboratories for drying and heating applications, featuring fast heating rates. It operates within a temperature range of 5°C to 80°C, with a resolution of 0.1°C. The unit is equipped with a Pt100 DIN Class A temperature probe, an electronic overtemperature protection system, and a mechanical temperature limiter (TB). It meets Class 1 protection according to DIN 12 880 and automatically shuts off when the temperature exceeds approximately 20°C above the setpoint.



Tủ sấy chân không DZ-1AIV (Taisite – Trung Quốc)

DZ-1AIV Vacuum Drying Oven (Taisite – China)

Tủ sấy chân không DZ-1AIV được sử dụng rộng rãi trong các phòng thí nghiệm để sấy khô, làm nóng, khử trùng, xử lý nhiệt. với tốc độ gia nhiệt nhanh, không phá hủy mẫu có thể sử dụng để sấy khô những mẫu dễ phân hủy và những mẫu dễ bị oxy hóa.

(The DZ-1AIV vacuum drying oven is widely used in laboratories for drying, heating, sterilization, and heat treatment. With a fast heating rate and without damaging samples, it is suitable for drying heat-sensitive materials and samples that are easily oxidized.)



BỘ CHIẾT BÉO 6 VỊ TRÍ SER 148/6 (Velp - Italy)

SER 148/6 Six-Position Fat Extraction System (Velp - Italy)



Hệ thống chiết chất béo 6 vị trí SER 148/6 là hệ thống chiết dung môi bán tự động hay còn gọi bộ chiết béo tự động SER 148/6 dùng để xác định chất béo thô và tổng trong thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, ...

Thiết bị được thiết kế theo nguyên lý chiết dung môi Randall với ưu điểm là thời gian chiết nhanh và hiệu quả hơn so với nguyên lý Soxhlet. Đầu lọc được chế tạo bằng sợi cotton cellulose với chiều dày 1mm giúp dung môi dễ dàng đi qua với tăng hiệu quả chiết. Dễ dàng vận hành và bảo trì hệ thống. Cho kết quả đo nhanh, chính xác, độ tin cậy cao.

The SER 148/6 six-position fat extraction system is a semi-automatic solvent extraction unit, also known as the automatic SER 148/6 fat extraction apparatus, used for determining crude and total fat in food, animal feed, and related samples.

The instrument is designed based on the Randall solvent extraction principle, providing faster and more efficient extraction compared to the traditional Soxhlet method. The filter thimbles are made of 1 mm-thick cotton cellulose, allowing solvents to pass through easily and improving extraction efficiency. The system is easy to operate and maintain, delivering fast, accurate, and highly reliable results.

Bộ chiết xơ 6 chỗ FIWE6 (Velp- Italy)

FIWE6 Six-Position Fiber Extraction Unit (Velp - Italy)



Bộ chiết xơ 6 chỗ FIWE6 được thiết kế theo phương pháp Weende và AOAC để xác định hàm lượng xơ tổng và phương pháp Van Soest để xác định hàm lượng ADF, NDF và hàm lượng lignin, cellulose, hemicellulose trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

Thiết bị được chế tạo thép không gỉ sơn phủ Epoxy, có thể chiết nóng và chiết lạnh, hoạt động đơn giản, thân thiện với người sử dụng, cho kết quả phân tích có độ chính xác cao.

The FIWE6 six-position fiber extraction unit is designed according to the Weende and AOAC methods for determining total fiber content, and the Van Soest method for determining ADF, NDF, as well as lignin, cellulose, and hemicellulose levels in food and animal feed.

The device is constructed from stainless steel with an epoxy coating and supports both hot and cold extraction. It is easy to operate, user-friendly, and provides highly accurate analytical results.

Máy quang phổ ngoại tử khả kiến UV- Vis U2900 Hitachi

Hitachi U-2900 UV-Vis Spectrophotometer

Máy quang phổ UV/VIS U-2900 là thiết bị có hệ thống quang học sử dụng bộ đơn sắc Seya-Namioka với hai chùm tia giúp việc đo lường được ổn định, năng lượng nguồn sáng được chia thành hai với một tia đi qua mẫu trắng – mẫu so sánh và một chùm tia đi qua mẫu cần đo. Thiết bị dùng để phân tích hàm lượng P_2O_5 , SiO_2 , B₂O₃ trong phân bón, hàm lượng P trong thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản, và một số chỉ tiêu khác.

The U-2900 UV-Vis spectrophotometer is equipped with an optical system using a Seya-Namioka monochromator and a double-beam design, which ensures stable measurements. The light source energy is split into two beams: one beam passes through the blank (reference) sample, while the other passes through the sample to be measured. The instrument is used to analyze the contents of P_2O_5 , SiO_2 , and B in fertilizers; phosphorus (P) content in animal feed and aquaculture feed; as well as other analytical parameters.



Máy chưng cất đạm UDK 129-VELP

VELP UDK 129 Nitrogen Distillation Unit

Máy chưng cất đạm UDK 129-VELP được thiết kế với bộ sinh hàn được chế tạo bằng Titanium có khả năng trao đổi nhiệt tốt hơn so với sinh hàn bằng thủy tinh truyền thống, giúp tiết kiệm tối đa nước làm mát, bộ sục hơi được chế tạo bằng công nghệ polymer có khả năng chịu ăn mòn kiềm có tuổi thọ cao, cấu trúc bằng thép không gỉ, vỏ ngoài bằng nhựa

The VELP UDK 129 nitrogen distillation unit is designed with a titanium condenser, which provides superior heat exchange compared to traditional glass condensers, thereby significantly reducing cooling water consumption. The steam generator is manufactured using polymer technology, offering high resistance to alkaline corrosion and a long service life. The unit features a stainless-steel structure with a plastic outer housing.

Thiết bị dùng cho các phân tích liên quan đến các ứng dụng như xác định nitơ amoniac, xác định protein, hàm lượng nitơ (Kjeldahl hoặc chưng cất kiểm trực tiếp), nitơ nitric,...

The instrument is used for analyses related to applications such as the determination of ammoniacal nitrogen, protein determination, nitrogen content (by the Kjeldahl method or direct alkaline distillation), nitric nitrogen, and other related parameters.



Máy quang phổ AAS AAnalyst 800 Perkin Elmer

PerkinElmer AAnalyst 800 Atomic Absorption Spectrophotometer



Hệ thống máy quang phổ hấp thụ nguyên tử hiện đại, có các nguồn nguyên tử hóa ngọn lửa, lò nhiệt điện tự động và hệ thống hydride phân tích các chỉ tiêu kim loại có trong các thành phần phân bón, thức ăn chăn nuôi, VietGap, ...

A modern atomic absorption spectrometry (AAS) system equipped with flame atomization, an automatic electrothermal (graphite furnace) atomizer, and a hydride generation system for the analysis of metal elements present in fertilizers, animal feed, VietGAP samples, and other related matrices.

Thiết bị phân tích trực tiếp được các nguyên tố ở dạng đa lượng như Canxi, Magie, Natri và Kali; các nguyên tố ở dạng vi lượng như Đồng, Sắt, Kẽm, Mangan, Coban, Molybden; và các nguyên tố dạng vết như Chì, Cadimi, Asen, Thủy ngân.

The instrument can directly analyze macro elements such as calcium, magnesium, sodium, and potassium; microelements such as copper, iron, zinc, manganese, cobalt, and molybdenum; and trace elements including lead, cadmium, arsenic, and mercury.)

Máy quang kế ngọn lửa Jenway PFP7

Jenway PFP7 Flame Photometer



Máy quang kế ngọn lửa có hệ thống đánh lửa tự động, an toàn ứng dụng phân tích các nguyên tố ở dạng đa lượng như Natri và Kali có trong các thành phần phân bón.

The flame photometer is equipped with an automatic ignition system, ensuring safe operation, and is used for the analysis of macro elements such as sodium and potassium present in fertilizer components.

Hệ thống sắc ký lỏng cao áp 4 kênh dung môi Agilent 1200

Agilent 1200 High-Performance Liquid Chromatography (HPLC) System with 4 Solvent Channels



Hệ thống sắc ký lỏng cao áp 4 kênh dung môi agilent 1200 có tốc độ nhanh, phân giải cao và độ nhạy vượt trội, hệ thống tiêm mẫu tự động, ứng dụng phân tích các chỉ tiêu trong phân bón như Naphthalen acid, Gibberillic (GA₃), axit amin, ...

The Agilent 1200 high-performance liquid chromatography (HPLC) system with four solvent channels offers high speed, high resolution, and excellent sensitivity. It is equipped with an automatic sample injection system and is applied for the analysis of fertilizer parameters such as naphthalene acid, gibberellic acid (GA₃), amino acids, and other related compounds

TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KHỬ TRÙNG- KIỂM SOÁT DỊCH HẠI

Equipment for Disinfection
and Pest Control Activities



Nhằm đáp ứng đầy đủ các Quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và nâng cao mức độ an toàn trong quá trình cung cấp dịch vụ, Saigoncert đã đầu tư đồng bộ hệ thống trang thiết bị khử trùng và kiểm soát dịch hại theo tiêu chuẩn chuyên ngành. Toàn bộ máy móc – từ thiết bị đo nồng độ khí, trang thiết bị bảo hộ; máy phun ULV, máy phun áp lực ... – đều được lựa chọn từ các nhà sản xuất uy tín, bảo đảm thông số kỹ thuật, độ chính xác và khả năng vận hành ổn định trong môi trường thực tế.

Saigoncert Certification and Inspection Joint Stock Company has invested in modern, In order to fully comply with current technical regulations and enhance safety during service provision, Saigoncert has made comprehensive investments in disinfection and pest control equipment in accordance with specialized industry standards. All machinery and devices – from gas concentration measuring instruments and personal protective equipment to ULV sprayers and high-pressure sprayers – are sourced from reputable manufacturers, ensuring technical specifications, accuracy, and stable operation under real working conditions.



Máy đo nồng độ khí MBr

Methyl Bromide (MBr) Gas Concentration Meter



Máy đo khí PH₃

Phosphine (PH₃) Gas Detector



Máy đo nồng độ khí CH₃Br

Methyl Bromide (CH₃Br) Gas Concentration Meter



Mặt nạ MAG-4 facemask

MAG-4 Face Mask



Hệ thống máy phun ULV, máy phun áp lực

(ULV Spraying System and Pressure Sprayers)

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ THỬ NGHIỆM Testing Service Activities

Phân tích và thử nghiệm là hoạt động đóng vai trò quyết định trong chuỗi dịch vụ của Saigoncert nhằm kiểm tra và chứng minh chất lượng cũng như sự an toàn của sản phẩm. Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert với các trang thiết bị hiện đại và hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 17025 sẵn sàng cung cấp các giải pháp thử nghiệm ở phạm vi rộng các chỉ tiêu phân tích cho nhiều loại hàng hóa khác nhau

Analysis and testing play a decisive role in Saigoncert's service chain, serving to verify and demonstrate product quality and safety. Saigoncert Certification and Inspection Joint Stock Company, equipped with modern instrumentation and a quality management system compliant with ISO/IEC 17025, is ready to provide comprehensive testing solutions covering a wide range of analytical parameters for various types of goods.



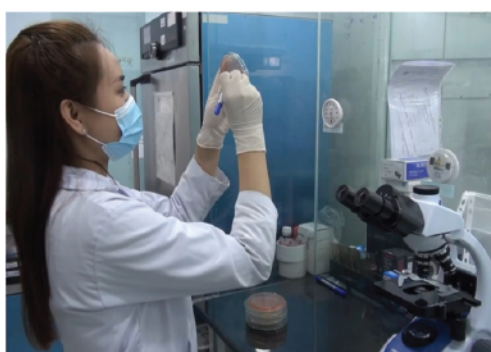
Thử nghiệm viên đang thực hiện thao tác trên thiết bị HPLC

The analyst is operating the HPLC system



Thử nghiệm viên đang thực hiện thao tác trên tủ cấy vi sinh

The analyst is working in a microbiological safety cabinet



Thử nghiệm viên đang đếm số lượng vi sinh vật

The analyst is counting microorganisms

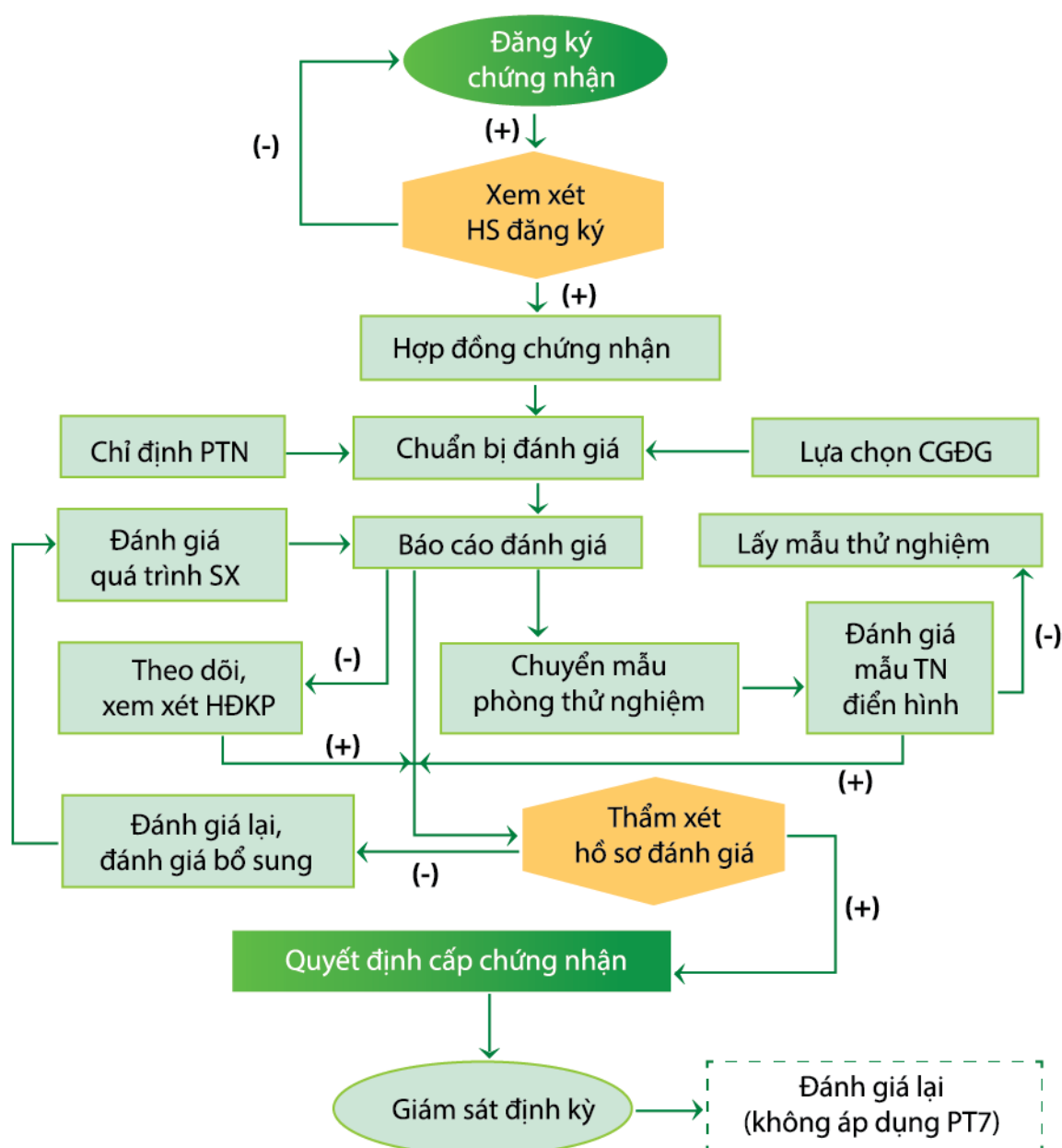


Thử nghiệm viên đang thực hiện thao tác trên thiết bị chiết xơ tự động 6 chỗ FIWE6

The analyst is operating the FIWE6 six-position automatic fiber extraction system

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN, HỢP QUY

Conformity Certification Services
(Standards and Technical Regulations)



CÁC BƯỚC THỰC HIỆN Implementation steps

ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN HỢP QUY THEO PHƯƠNG THỨC 5, 7

Conformity Certification Assessment According to Scheme 5 and Scheme 7

Bước 1 Step 1

Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu chứng nhận hợp quy phân bón, thức ăn chăn nuôi,... đăng ký chứng nhận với SAIGONCERT (thông qua các phương thức liên hệ: hotline, chat website, biểu mẫu, Fanpage,...).

Individuals, organizations, and enterprises that require conformity certification for fertilizers, animal feed, and other products shall register for certification with SAIGONCERT via available contact methods such as hotline, website chat, application forms, Fanpage, and other communication channels.

Bước 2 Step 2

Trao đổi, xem xét thông tin, báo giá, ký hợp đồng.

Information exchange and review, quotation issuance, and contract signing

Bước 3 Step 3

SAIGONCERT đánh giá quá trình sản xuất & lấy mẫu thử nghiệm (PT5) hoặc Đánh giá lô sản phẩm hàng hóa, lấy mẫu thử nghiệm (PT7). Doanh nghiệp thực hiện khắc phục điểm KPH (nếu có)

SAIGONCERT conducts an assessment of the production process and sampling for testing (Scheme 5), or conducts an assessment of the product batch and sampling for testing (Scheme 7). The enterprise shall implement corrective actions for any identified nonconformities (if any).

Bước 4 Step 4

Thẩm xét hồ sơ đánh giá hợp quy.

Review of conformity assessment documentation.

Bước 5 Step 5

Cấp Giấy chứng nhận hợp quy (Dấu CR) (Nếu phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia tương ứng và quy định pháp luật có liên quan)

Issuance of the Certificate of Conformity (CR Mark), provided that the product complies with the relevant National Technical Regulations and applicable legal requirements

Bước 6 Step 6

Tiến hành đánh giá giám sát (PT5)

Đối với Giấy chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 thực hiện đánh giá giám sát theo tần suất 12 tháng/lần.

Conduct surveillance assessment (Scheme 5).

For Certificates of Conformity issued under Scheme 5, surveillance assessments shall be carried out at a frequency of once every 12 months.



GIÁ TRỊ SAIGONCERT MANG LẠI CHO DOANH NGHIỆP

Value Provided by Saigoncert to Enterprises

- 1 **Chứng nhận hợp pháp và trực tiếp**
Legal and Direct Certification
- 2 **Dịch vụ chuyên nghiệp với chi phí hợp lý nhất**
Professional services at the most reasonable cost
- 3 **Chi phí được tính toán phù hợp với nhu cầu của từng tổ chức, doanh nghiệp với phương châm hỗ trợ tối đa và cắt giảm các khoản chi phí phát sinh để đưa ra một mức chi phí hợp lý nhất theo từng quy mô và hiện trạng của doanh nghiệp.**
Costs are calculated in accordance with the specific needs of each organization and enterprise, with a commitment to providing maximum support and minimizing additional expenses, thereby offering the most reasonable cost level based on the scale and current conditions of each business.
- 4 **Thủ tục nhanh gọn - Thời gian cấp Giấy chứng nhận nhanh nhất:**
Fast and Efficient Procedures – Shortest Certification Issuance Time

Đoàn chuyên gia đánh giá Saigoncert đánh giá nhà máy sản xuất Thức ăn chăn nuôi.
The Saigoncert expert assessment team conducts an evaluation of an animal feed manufacturing facility



Đoàn chuyên gia đánh giá Saigoncert đánh giá chứng nhận VietGAP.
The Saigoncert expert assessment team conducts a VietGAP certification assessment



Đoàn chuyên gia đánh giá Saigoncert đánh giá nhà máy sản xuất phân bón.
Saigoncert expert assessment team conducts an evaluation of a fertilizer manufacturing plant.



Lấy mẫu phục vụ kiểm tra nhà nước
Sampling for State Inspection



Với quy trình làm việc chuyên nghiệp, đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, SaigonCert cam kết thủ tục làm việc nhanh, giảm thời gian chậm trễ trong mỗi công đoạn, đảm bảo thời gian nhận chứng chỉ nhanh nhất, với phương châm “Chất lượng là nền tảng của tồn tại và phát triển”

With a professional working process and a team of highly experienced experts, Saigoncert is committed to streamlined procedures and minimized delays at every stage, ensuring the fastest possible certification issuance time, in line with the principle: “Quality is the foundation of existence and development.”



Chứng nhận được công nhận trên cả nước, chứng tỏ sản phẩm đáp ứng các quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về từng lĩnh vực, đảm bảo chất lượng và độ an toàn. Điều này mang đến rất nhiều lợi ích cho không chỉ riêng sản phẩm được chứng nhận mà còn đơn vị sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh loại hàng hóa này:

The certification is recognized nationwide, demonstrating that the product complies with national technical regulations and standards applicable to each sector, thereby ensuring quality and safety. This brings numerous benefits not only to the certified product itself but also to the manufacturing, importing, and trading entities involved in such goods, including:

Chứng minh chất lượng

Demonstration of quality

Tạo niềm tin, xây dựng uy tín với người tiêu dùng.

Building trust and enhancing credibility with consumers.)



Tuân thủ quy định pháp luật, tránh các rủi ro về pháp lý.

Compliance with legal regulations, minimizing legal risks.

Tạo lợi thế cạnh tranh, vũ khí sắc bén trong cuộc mở rộng thị trường.

Creating a competitive advantage - a powerful tool for market expansion.

Ngoài ra, chứng nhận cũng mang đến lợi ích nhất định đối với cơ quan quản lý, hỗ trợ công tác kiểm soát, quản lý sản phẩm đang được lưu hành trên thị trường.

In addition, certification also provides certain benefits to regulatory authorities by supporting the control and management of products currently circulating in the market.)

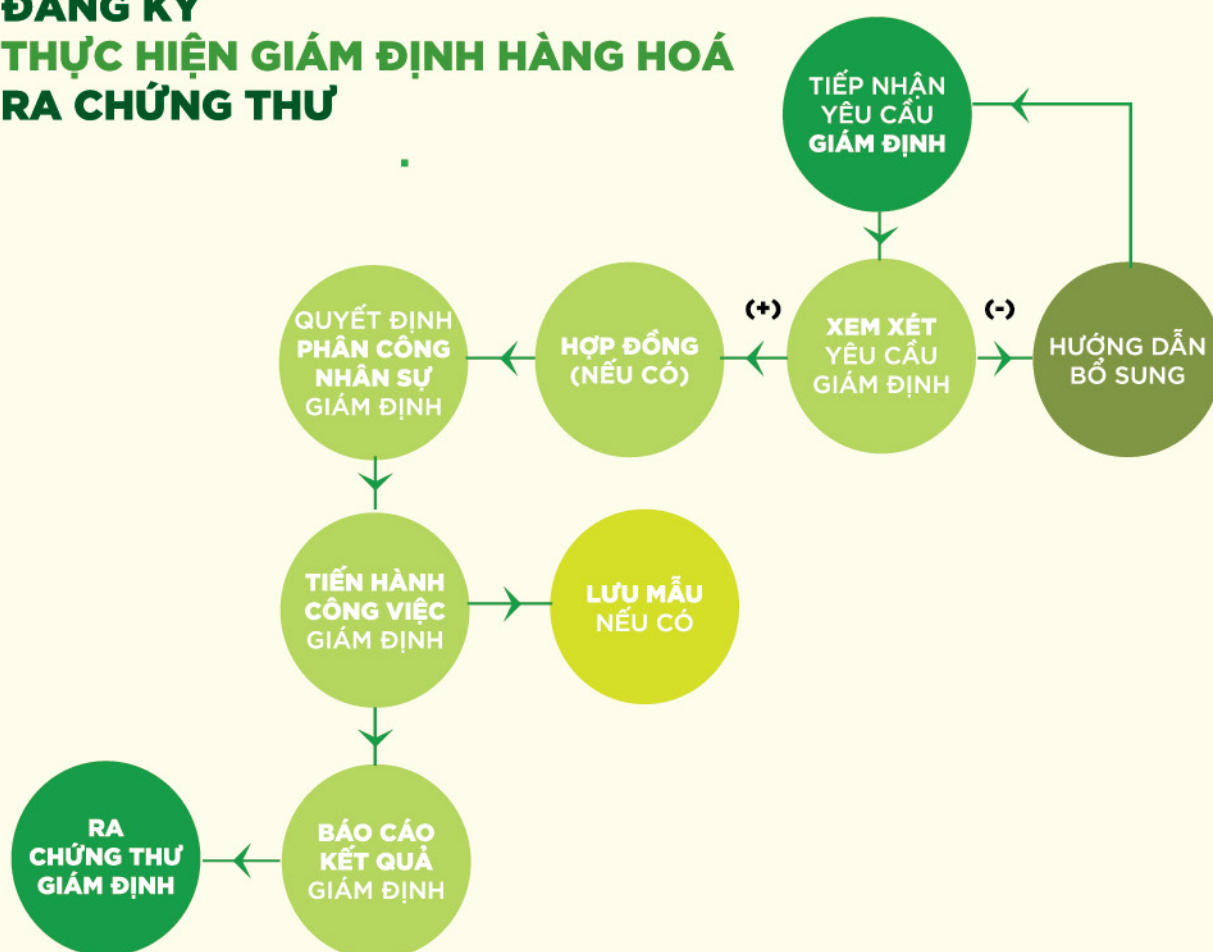
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

GIÁM ĐỊNH – KHỬ TRÙNG – KIỂM SOÁT DỊCH HẠI

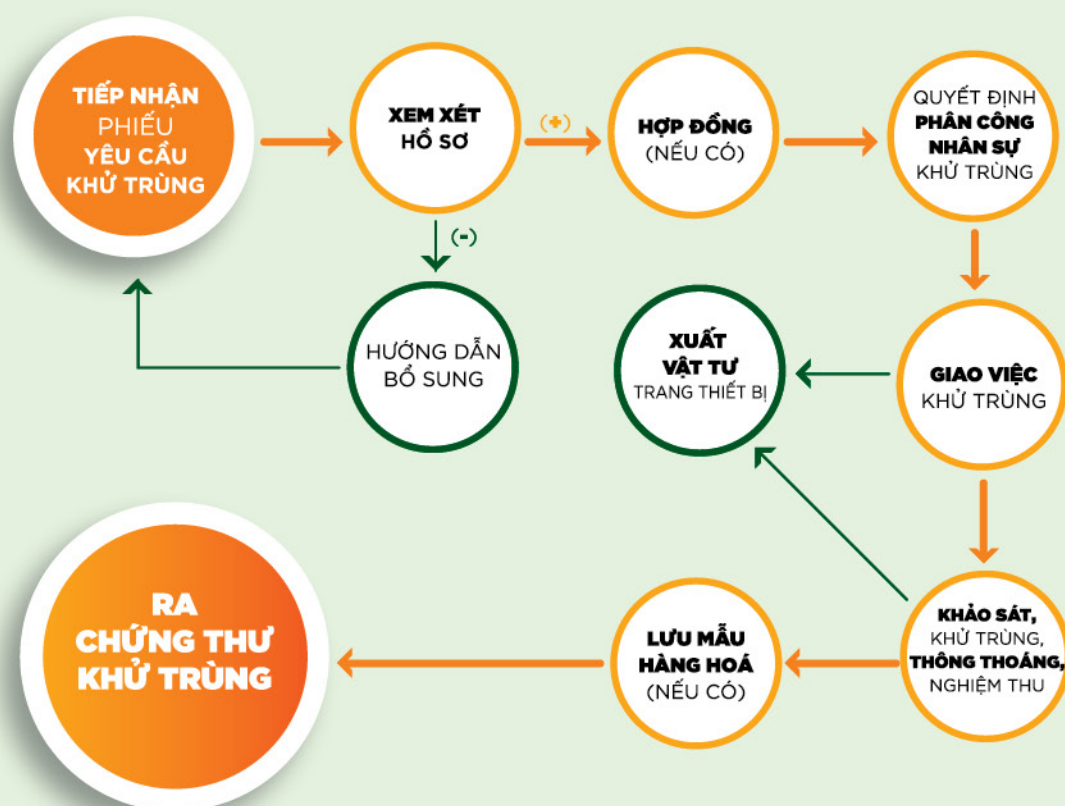
Inspection – Disinfection – Pest Control Service Activities

QUY TRÌNH

- **ĐĂNG KÝ**
- **THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH HÀNG HOÁ**
- **RA CHỨNG THƯ**

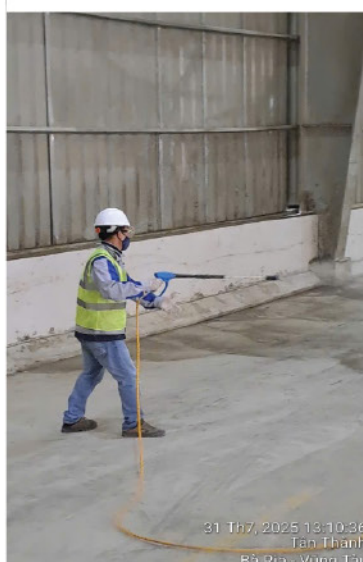


QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG RA CHỨNG THƯ



QUY TRÌNH KỸ THUẬT KIỂM SOÁT DỊCH HẠI

BƯỚC/ STEP



1 Khảo sát ban đầu
Initial Survey

2 Đánh giá rủi ro và xác định loại côn trùng, dịch hại
Risk Assessment and Identification of Insect and Pest Species

3 Xây dựng kế hoạch kiểm soát
Development of a Pest Control Plan

4 Thực hiện biện pháp một hoặc nhiều biện pháp kiểm soát
Vệ sinh môi trường +
Đặt bẫy cơ học +
Phun/xông hóa chất +
Biện pháp sinh học +
Implementation of One or More Control Measures
+ Environmental sanitation.
+ Installation of mechanical traps.
+ Chemical spraying/fumigation.
+ Biological control measures.

5 Kiểm tra và báo cáo kết quả
Inspection and Reporting of Results

6 Giám sát định kỳ
Periodic Monitoring

7 Lưu hồ sơ – tuân thủ pháp lý
Record Keeping and Legal Compliance



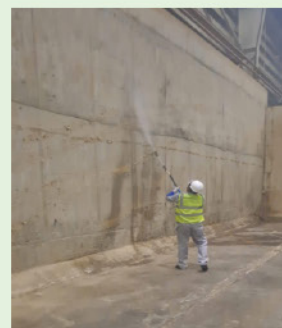
Hình ảnh khử trùng tàu
Images of ship fumigation



Hình ảnh dán giấy và khử trùng container gạo
Images kraft paper and fumigation of rice containers



Hình ảnh khử trùng tàu và kiểm đếm hàng gạo
Images of ship fumigation and tally rice



Hình ảnh phun sát trùng kho
Images of warehouse pest control

HOẠT ĐỘNG KHẢO NGHIỆM

Field Trial Activities

QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Fertilizer Field Trial Procedure

Khảo nghiệm phân bón được tiến hành qua 6 bước:
Fertilizer testing is conducted through six steps:

Bước /Step:

- 1 | Tư vấn cho khách hàng, lập đề cương, ký hợp đồng khảo nghiệm
Customer consultation, preparation of the trial protocol, and signing of the trial contract.
- 2 | Kế hoạch thực hiện khảo nghiệm
Development of the trial implementation plan.
- 3 | Thực hiện khảo nghiệm diện hẹp
Conducting small-scale trials.
- 4 | Thực hiện khảo nghiệm diện rộng
Conducting large-scale trials.
- 5 | Viết báo cáo và nghiệm thu cấp cơ sở
Preparing the report and conducting acceptance at the institutional level.
- 6 | Quản lý và lưu trữ dữ liệu
Data management and storage.

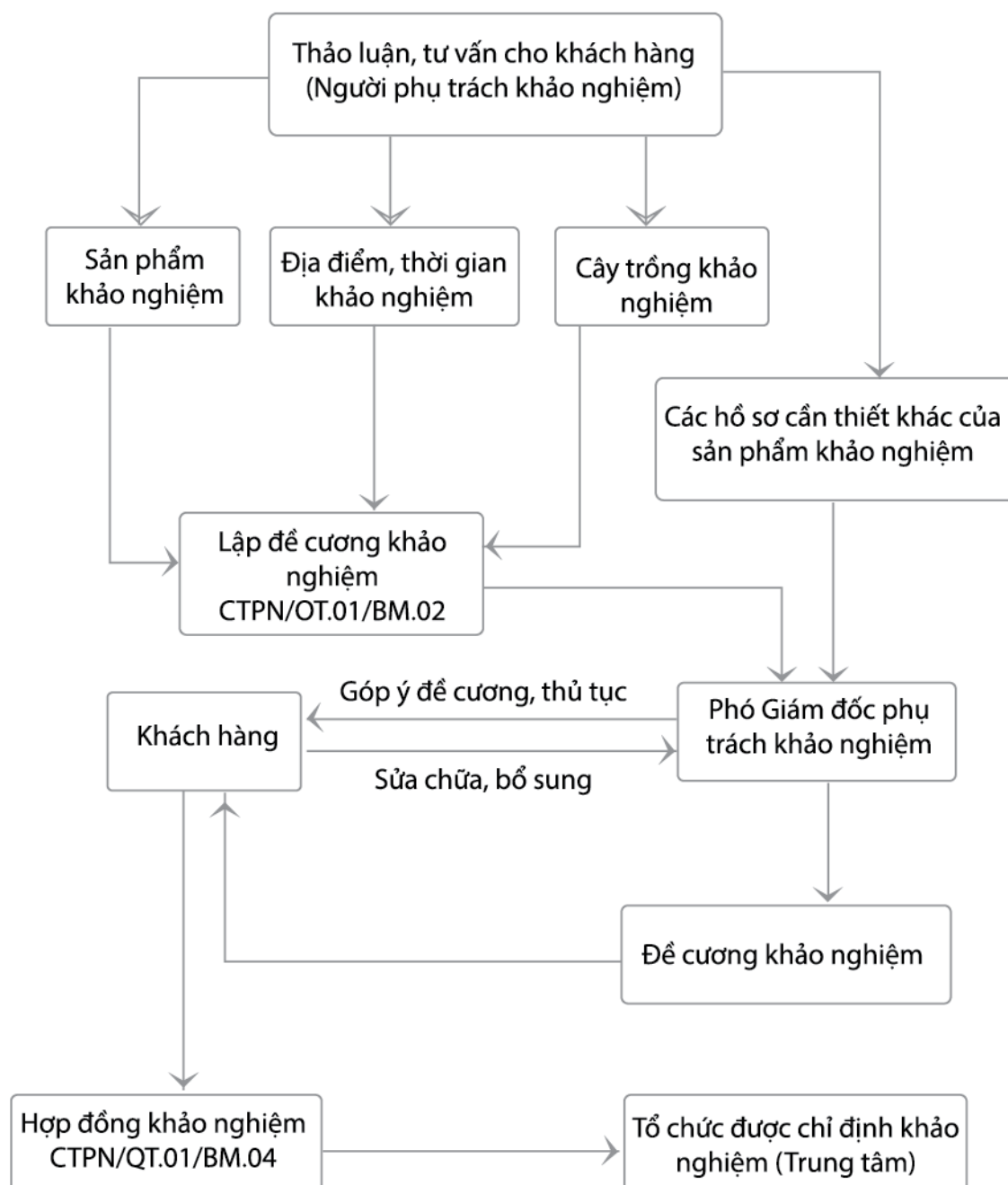
QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN Fertilizer Field Trial Procedure

Bước
Step

01

Tư vấn cho khách hàng, lập đề cương, ký hợp đồng khảo nghiệm

Customer consultation, preparation of the trial protocol, and signing of the trial contract.

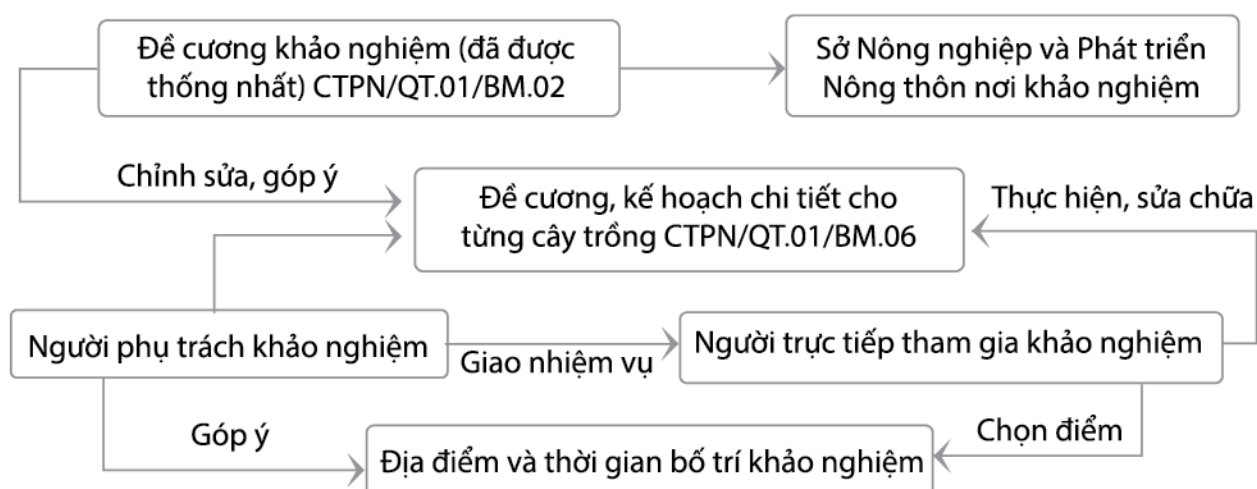


Bước
Step

02

Kế hoạch thực hiện khảo nghiệm

Development of the trial implementation plan.

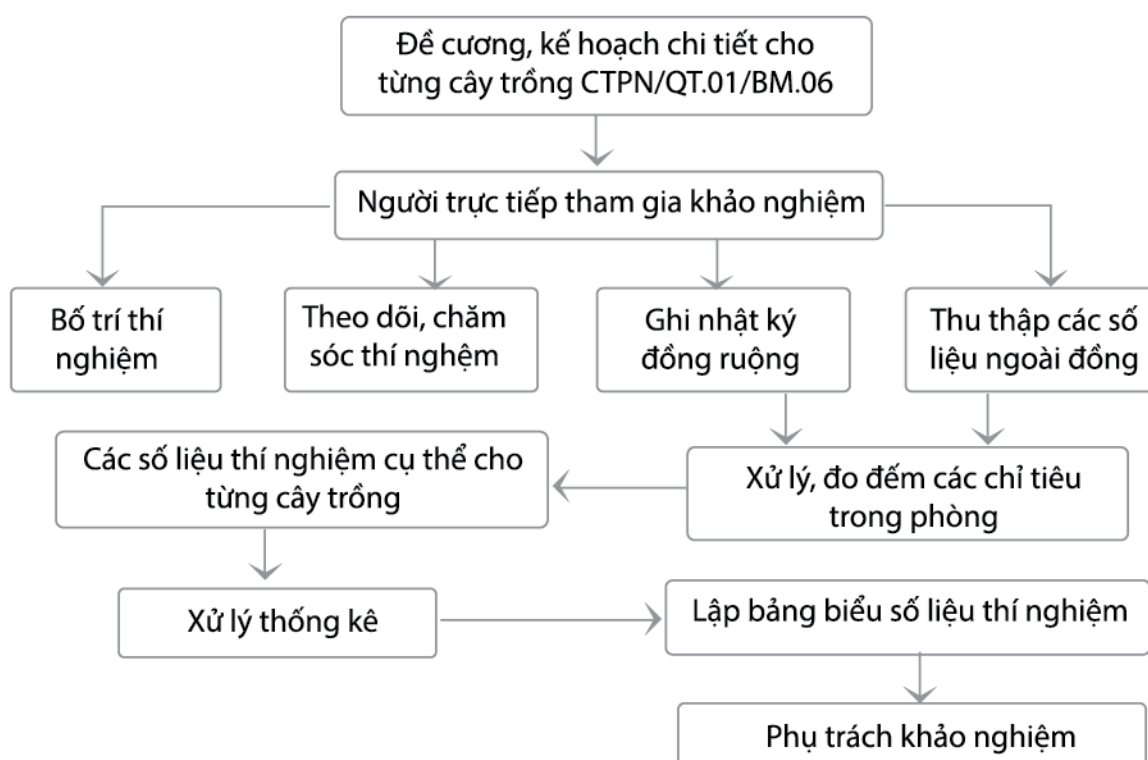


Bước
Step

03

Thực hiện khảo nghiệm diện hẹp

Conducting small-scale trials.

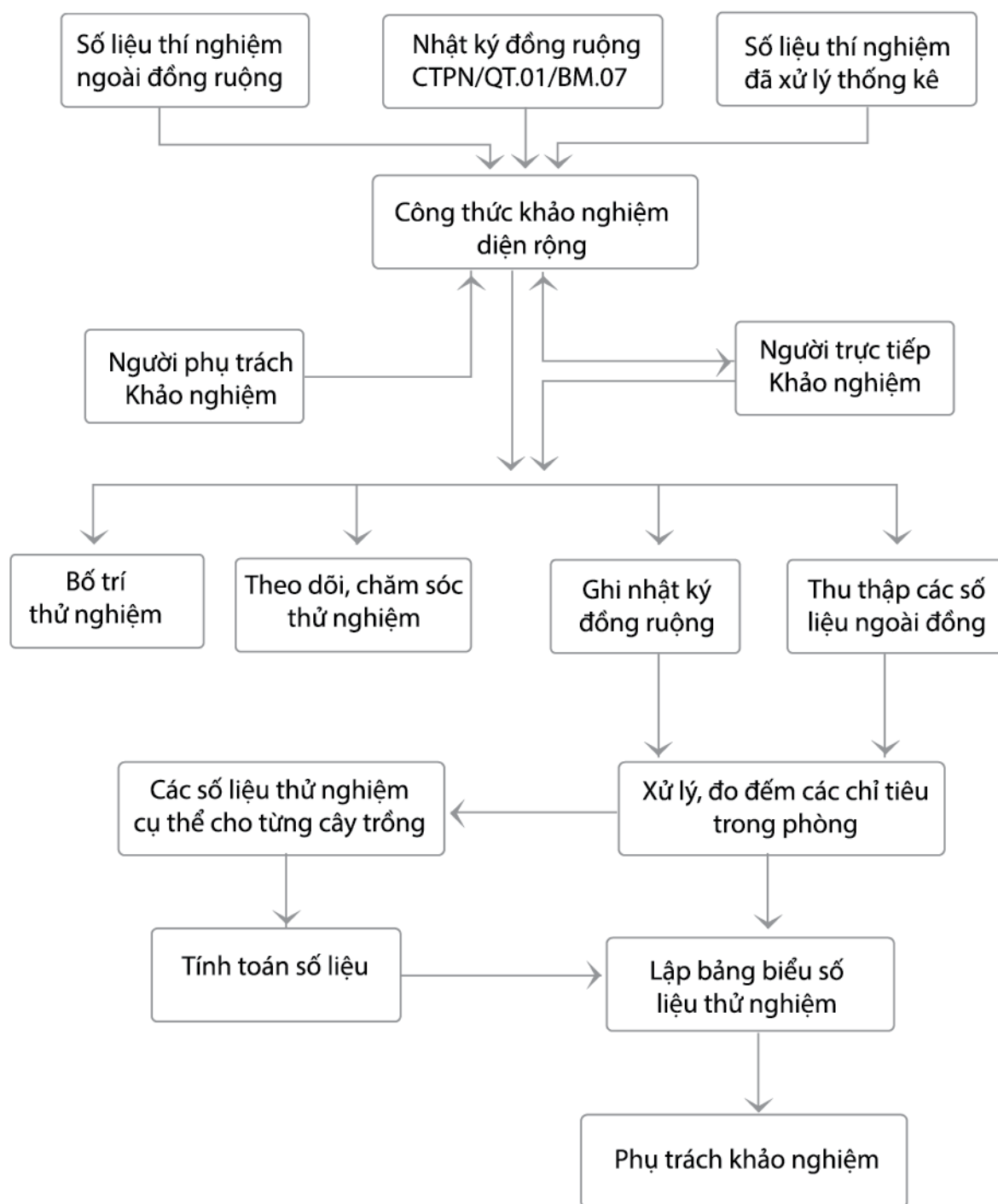


QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN Fertilizer Field Trial Procedure

Bước
Step

04

Thực hiện khảo nghiệm diện rộng
Conducting large-scale trials

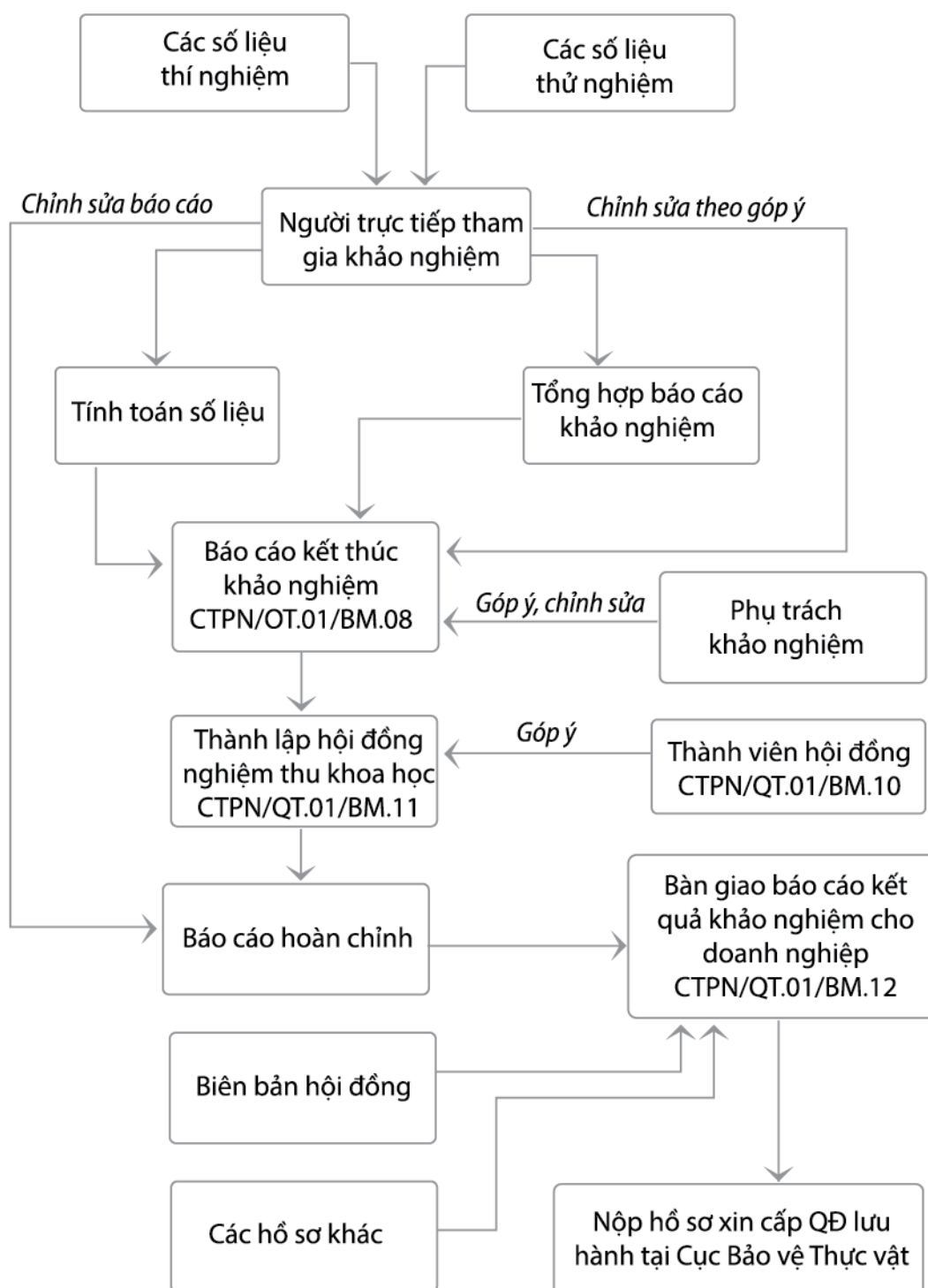


Bước
Step

05

Viết báo cáo và nghiệm thu cấp cơ sở

Preparing the report and conducting acceptance at the institutional level

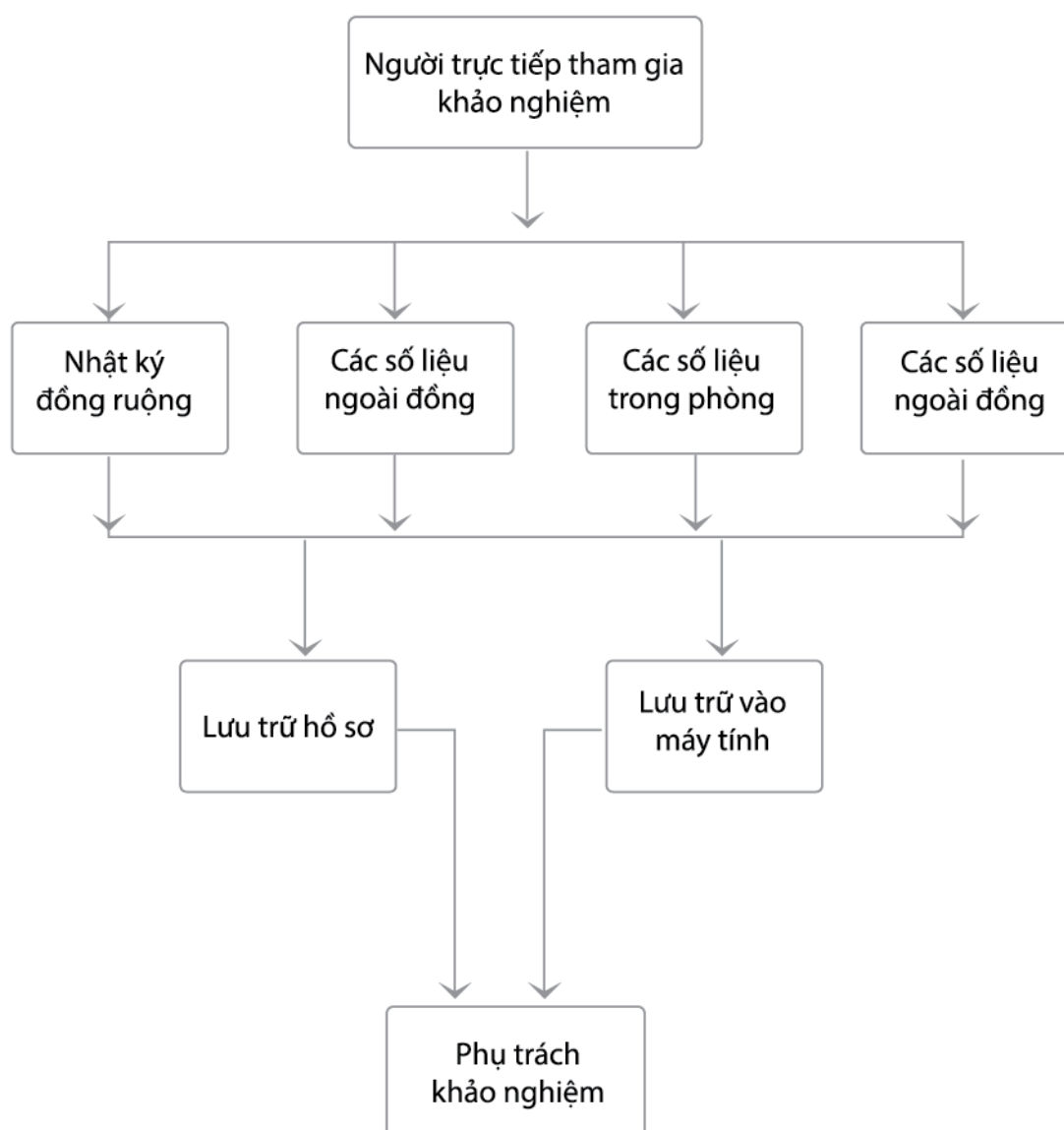


QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN Fertilizer Field Trial Procedure

Bước
Step

06

Thực hiện khảo nghiệm diện rộng
Conducting large-scale trials



QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT Plant Protection Product Field Trial Procedure

Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật được tiến hành qua 7 BƯỚC
Plant protection product field trials are conducted in SEVEN STEPS

Bước/ Step

01

Tư vấn tiếp nhận hồ sơ, ký hợp đồng khảo nghiệm

Consultation, dossier receipt, and signing of the field trial contract.

02

Tiếp nhận mẫu và kiểm định chất lượng mẫu khảo nghiệm

Receipt of samples and quality inspection of field trial samples

03

Xây dựng quy trình kỹ thuật khảo nghiệm thuốc BVTV

Development of the technical procedure for plant protection product field trials.

04

Thực hiện khảo nghiệm diện hẹp

Conducting small-scale field trials.

05

Thực hiện khảo nghiệm diện rộng

Conducting large-scale field trials.

06

Hoàn thiện kết quả khảo nghiệm

Finalization of field trial results.

07

Quản lý, lưu trữ hồ sơ khảo nghiệm

Management and archiving of field trial records

QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

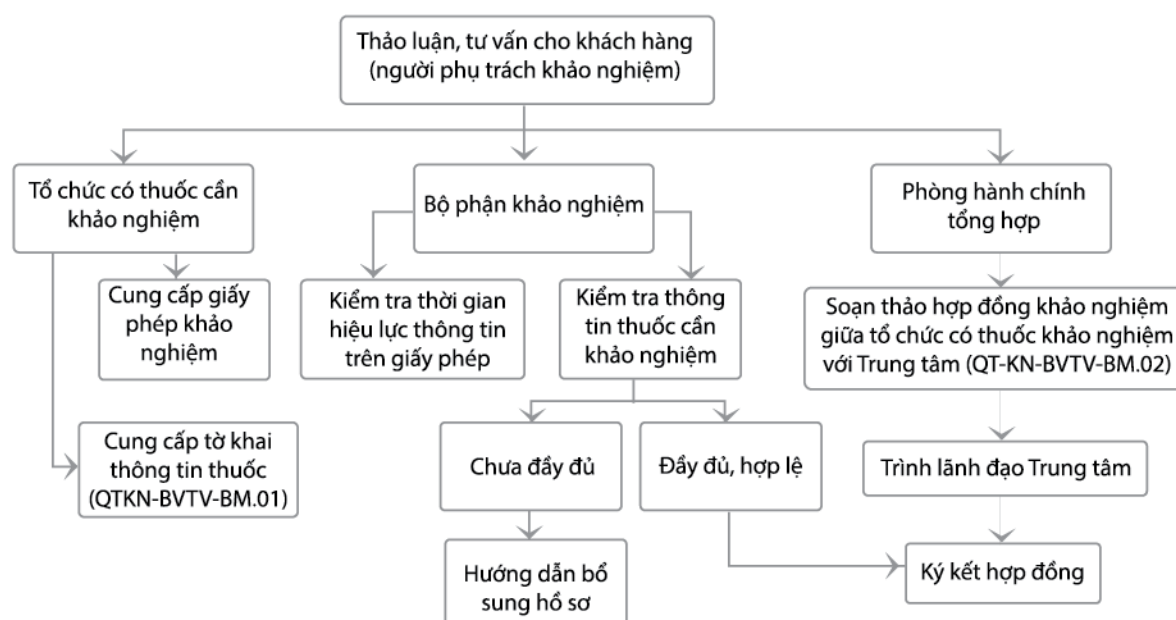
Plant Protection Product Field Trial Procedure

Bước
Step

01

Tư vấn tiếp nhận hồ sơ, ký hợp đồng khảo nghiệm

Consultation, dossier receipt, and signing of the field trial contract.

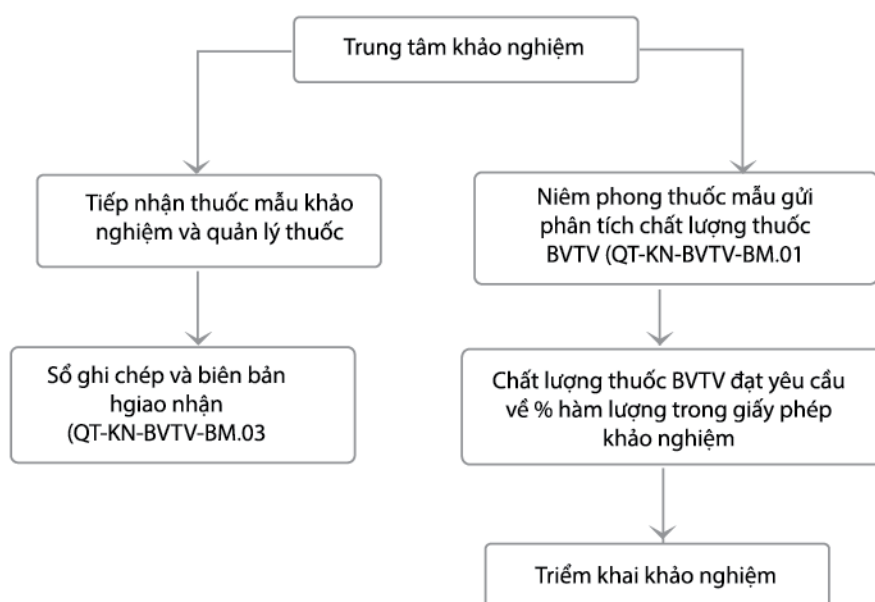


Bước
Step

02

Tư vấn tiếp nhận hồ sơ, ký hợp đồng khảo nghiệm

Consultation, dossier receipt, and signing of the field trial contract.



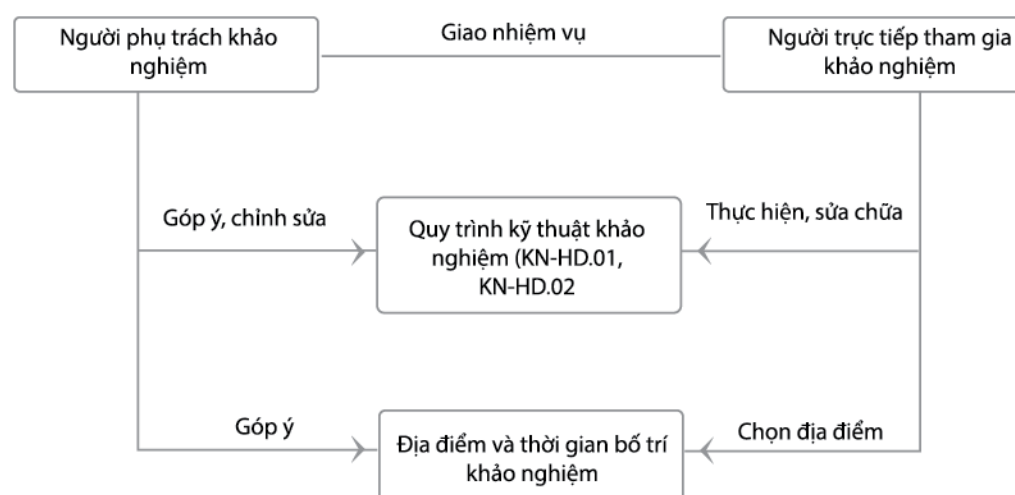
QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT Plant Protection Product Field Trial Procedure

**Bước
Step**

03

Xây dựng quy trình kỹ thuật khảo nghiệm thuốc BVTV

Development of the technical procedure for plant protection product field trials.

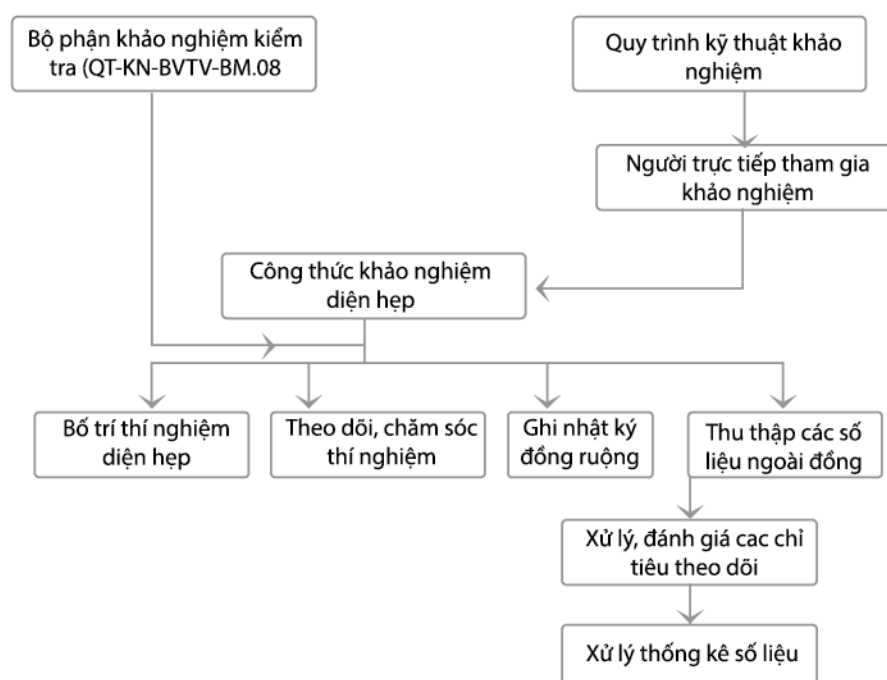


**Bước
Step**

04

Thực hiện khảo nghiệm diện hẹp

Conducting small-scale field trials.



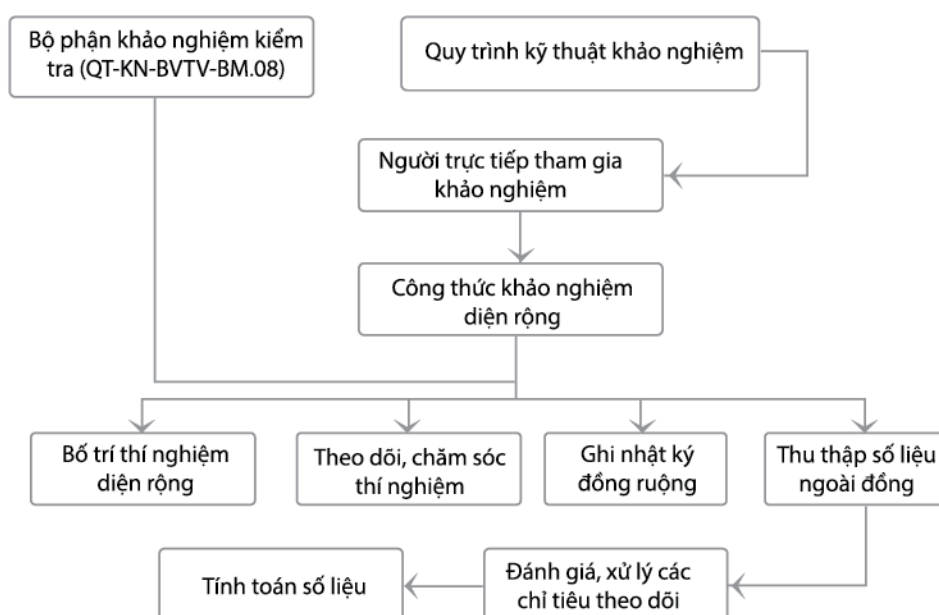
QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT Plant Protection Product Field Trial Procedure

Bước
Step

05

Thực hiện khảo nghiệm diện rộng

Conducting large-scale field trials.

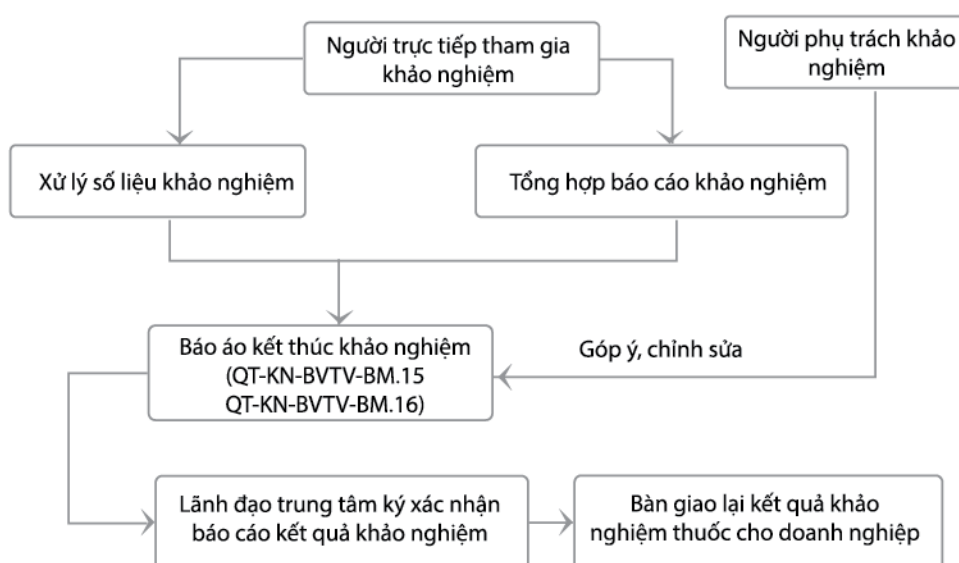


Bước
Step

06

Hoàn thiện kết quả khảo nghiệm

Finalization of field trial results.



QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

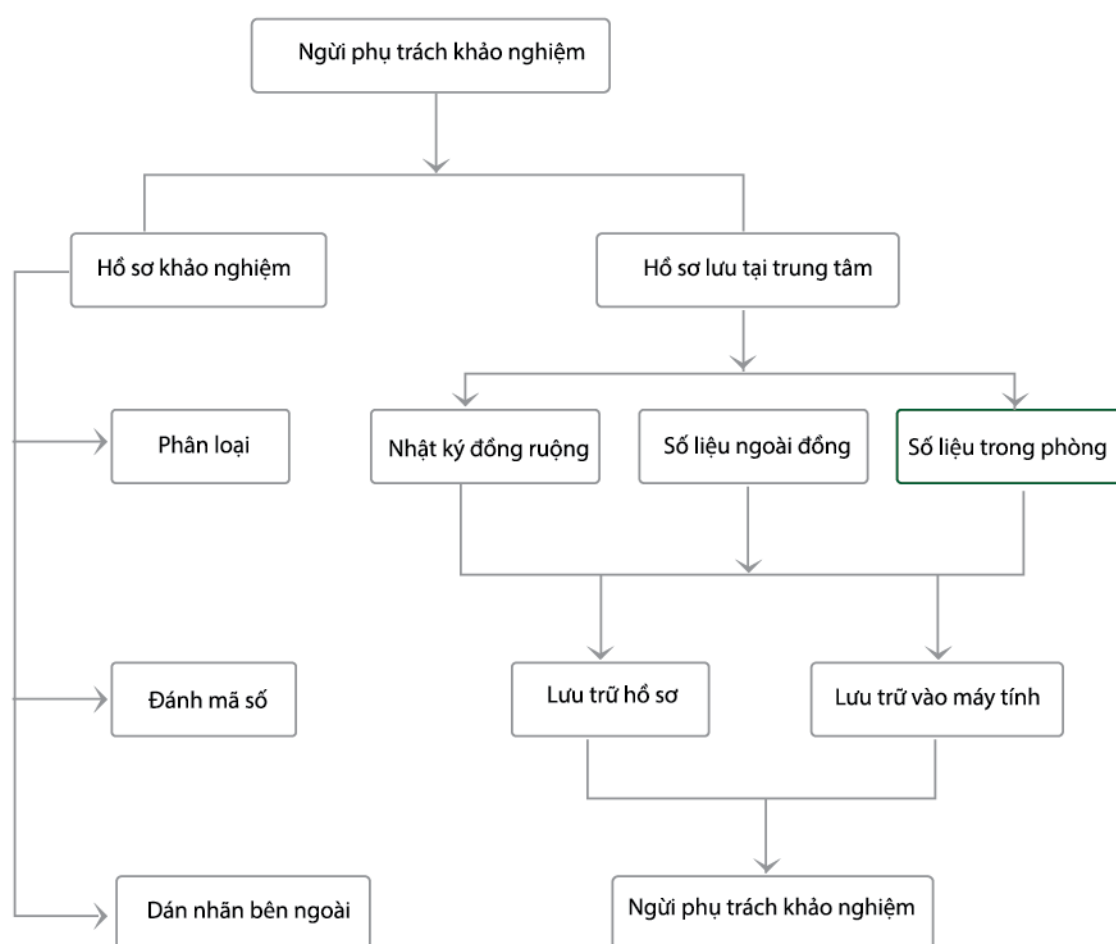
Plant Protection Product Field Trial Procedure

Bước
Step

07

Quản lý, lưu trữ hồ sơ khảo nghiệm

Management and archiving of field trial records



QUY TRÌNH KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG

Crop Variety Field Trial Procedure

Khảo nghiệm giống cây trồng được tiến hành qua 10 BƯỚC
Crop variety field trials are conducted in TEN STEPS

Bước
Step
1

Thông báo / Notification

Trước khi vào thời vụ khảo nghiệm giống cây trồng ít nhất 30 ngày
At least 30 days prior to the start of the crop variety trial season.

Bước
Step
2

Tiếp nhận hồ sơ / Receipt of dossiers.

Đơn đăng ký khảo nghiệm, Tờ khai kỹ thuật / Field trial application form and technical declaration.)
Lên hợp đồng/ Contract preparation and signing

Bước
Step
3

Tiếp nhận hạt giống / Receipt of seed samples

Kiểm tra tình trạng hạt giống / Inspection of seed condition.
Lập biên bản giao nhận mẫu / Preparation of a sample handover record.
Mã hóa giống/ Variety coding.
Chia mẫu hạt giống / Division of seed samples.

Bước
Step
4

Triển khai khảo nghiệm / Implementation of field trials.

Lên kế hoạch / Planning.
Gửi giống / Dispatch of seed samples
Theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu / Monitoring and evaluation of parameters.

Bước
Step

5

Kiểm tra, đánh giá thí nghiệm / Inspection and evaluation of trials.

Cán bộ thực hiện khảo nghiệm đánh giá trực tiếp thí nghiệm ít nhất 02 lần/vụ
Field trial personnel shall directly inspect and evaluate the trials at least twice per season.

Đại diện Ban Giám đốc đánh giá các điểm khảo nghiệm ít nhất 01 lần/vụ

A representative of the Board of Directors shall evaluate the field trial sites at least once per season.

Bước
Step

6

Nhận báo cáo từ các điểm / Step 6: Receipt of reports from trial sites.

Thời gian nhận báo cáo/số liệu từ các điểm khảo nghiệm. Tối đa sau 30 ngày kể từ ngày thu hoạch xong thí nghiệm

Timeframe for receipt of reports/data from trial sites: no later than 30 days from the date of completion of harvest.

Bước
Step

7

Tổng hợp báo cáo kết quả / Compilation of final results report

Thời gian hoàn thành báo cáo là 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ báo cáo/số liệu từ điểm khảo nghiệm cuối cùng và kết quả phân tích chất lượng.

The report shall be completed within 30 days from the date of receipt of all reports/-data from the final trial site and the quality analysis results.

Bước
Step

8

Trả báo cáo / Submission of the report.

Trả cho khách hàng (trực tiếp hoặc qua bưu điện) trong thời hạn tối đa là 05 ngày làm việc.

Delivered to the client (either directly or by post) within a maximum period of 05 working days.

Bước
Step

9

Báo cáo kết quả hàng năm / Annual results reporting.

Trước ngày 15/12

Before December 15.

Bước
Step

10

Lưu giữ hồ sơ / Record retention.

Hình ảnh HOẠT ĐỘNG của trung tâm

Some Images of
the Center's Activities

HỘI ĐỒNG KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN Fertilizer Field Trial Council



HỢP TÁC KINH DOANH với các đối tác Ấn độ, Trung quốc

Business cooperation with partners from India and China.



Hình ảnh HỘI THẢO PHÂN BÓN

Images of the Fertilizer Seminar



Hình ảnh KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Images of Fertilizer Field Trials



Hình ảnh KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Images of Plant Protection Product Field Trials



Hình ảnh KHẢO NGHIỆM GIỐNG LÚA

Images of Rice Variety Field Trials



Hình ảnh khảo nghiệm giống ngô

Images of Maize Variety Field Trials



Hình ảnh trao tặng quà tết cho nông dân

Images of Lunar New Year Gift Giving to Farmers



HOẠT ĐỘNG



Ngoài các hoạt động trong công tác chuyên môn thực hiện hằng ngày, Saigoncert luôn cố gắng tạo điều kiện để toàn thể cán bộ/nhân viên trong toàn công ty có cơ hội trau dồi kiến thức, sức khỏe và kỹ năng...

In addition to daily professional activities, Saigoncert consistently strives to create opportunities for all staff and employees across the company to enhance their knowledge, health, and skills.



Saigoncert tham dự hội nghị phổ biến, hướng dẫn quy định về xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi

Saigoncert participates in a conference on dissemination and guidance of regulations on the export and import of animal feed.



Saigoncert tham dự hội nghị sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong nông nghiệp

Saigoncert participates in a conference on the production and use of biological plant protection products in agriculture.



Saigoncert tham dự hội thảo Ngành phân bón với biến đổi khí hậu và nông nghiệp xanh

Saigoncert participates in the Fertilizer Industry Workshop on Climate Change and Green Agriculture.



Saigoncert tham dự hội thảo lấy ý kiến về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Saigoncert participates in a workshop to collect feedback on the amendment and supplementation of certain articles of the Law on Product and Goods Quality



“ Saigoncert rất vinh dự khi được Đảng bộ TP. Thủ Đức và Đảng bộ phường Hiệp Phú trao quyết định thành lập Chi bộ Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert trực thuộc Đảng bộ phường Hiệp Phú

Saigoncert is honored to receive the decision from the Thu Duc City Party Committee and the Hiep Phu Ward Party Committee on the establishment of the Party Cell of Saigoncert Certification and Inspection Joint Stock Company, under the Hiep Phu Ward Party Committee



“ Trận bóng đá giao hữu giữa Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Hải. Màn so tài giữa hai đội đã tạo nên sân chơi bổ ích, giúp cán bộ/nhân viên có dịp giao lưu, học hỏi, nâng cao đời sống tinh thần, rèn luyện sức khỏe, tăng cường thể lực, tăng cường sự đoàn kết, gắn bó

A friendly football match between Saigoncert Certification and Inspection Joint Stock Company and Long Hai Group Joint Stock Company. The match created a meaningful and beneficial sporting activity, providing staff and employees with an opportunity to interact, learn from one another, enhance their spiritual well-being, improve physical fitness and health, and strengthen unity and cohesion



Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert rất hân hoan khi được tiếp đón các đoàn khách Nhật Bản, Trung Quốc đến thăm quan, trao đổi và hợp tác

Certification and Inspection Joint Stock Company is pleased to welcome delegations from Japan and China for visits, exchanges, and cooperation.

HOẠT ĐỘNG



“ Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Saigoncert tổ chức du lịch tại Nha Trang kết hợp với hoạt động team building cho toàn thể cán bộ/nhân viên trong toàn công ty

Saigoncert Certification and Inspection Joint Stock Company organized a company trip to Nha Trang combined with team-building activities for all staff and employees across the company.



“ Saigoncert tổ chức đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ/nhân viên

Saigoncert organizes training programs to enhance professional knowledge for staff and employees.



“ Saigoncert phối hợp với Trường ĐH Công nghiệp Tp. HCM triển khai hoạt động kiến tập – thực tập cho sinh viên

Saigoncert cooperates with Ho Chi Minh City University of Industry to implement internship and practical training programs for students



“ Saigoncert tổ chức chào mừng ngày 20-10 cho toàn thể chị em trong công ty.
Saigoncert organizes a celebration in honor of Vietnamese Women's Day (October 20) for all female staff of the company.



“ Saigoncert tổ chức lễ tổng kết tình hình hoạt động
Saigoncert organizes a ceremony to review its operational performance.



“ Saigoncert tham gia tập huấn nâng cao kiến thức chuyên môn.
Saigoncert participates in training programs to enhance professional knowledge.



“ Lễ ký kết hợp tác giữa Công Ty TNHH Minong Bio (Hàn Quốc) và Công ty CP Chứng nhận Giám định Saigoncert
Signing Ceremony of the Cooperation Agreement between Minong Bio Co., Ltd. (Korea) and Saigoncert Certification and Inspection Joint Stock Company.



“ Saigoncert được tuyên dương, doanh nghiệp tiêu biểu năm 2024
Saigoncert is honored as an Outstanding Enterprise of 2024

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ

ĐƯỢC THỰC HIỆN
TẠI SAIGONCERTLIST OF TESTING METHODS
CONDUCTED AT SAIGONCERT

A. LĨNH VỰC PHÂN BÓN / Fertilizer Sector

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
1	Phân Urê không màu (hạt trong) Colorless urea fertilizer (transparent granules)	Xác định độ ẩm Determination of moisture content	TCVN 2620:2014	(*), (+), (-)
2	Các loại phân bón trừ phân Urê, DAP, phân bón hỗn hợp Other types of fertilizers, excluding urea, DAP, and compound fertilizers.		TCVN 9297:2012	(*), (+), (-)
3	Phân bón DAP DAP fertilizer		TCVN 8856:2018	(*), (+), (-)
4	Phân bón hỗn hợp Compound fertilizer		TCVN 8856:2018	(*), (+), (-)
5	Phân bón hỗn hợp Compound fertilizer	Xác định hàm lượng N _t Determination of total nitrogen content (N _t)	TCVN 5815:2018	(*), (+), (-)
6	Các loại phân bón không chứa nitơ dạng nitrat trừ các loại phân bón hỗn hợp Fertilizers that do not contain nitrate nitrogen, excluding compound fertilizers.		TCVN 8557:2010	(*), (+), (-)
7	Các loại phân bón chứa nitơ dạng nitrat trừ phân bón hỗn hợp Fertilizers containing nitrate nitrogen, excluding compound fertilizers.		TCVN 10682:201	(*), (+), (-)
8	Phân bón hỗn hợp (Compound fertilizer)	Xác định hàm lượng P ₂ O _{5hh} Determination of available P ₂ O ₅ content	TCVN 5815:2018	(*), (+), (-)
9	Phân lân nung chảy Fused phosphate fertilizer		TCVN 1078:2023	(*), (+), (-)
10	Phân supephosphat Superphosphate fertilizer		TCVN 4440:2018	(*), (+), (-)
11	Các loại phân bón trừ phân supephosphat, phân lân nung chảy, phân bón hỗn hợp All types of fertilizers, excluding superphosphate fertilizer, fused phosphate fertilizer, and compound fertilizers.		TCVN 8559:2010	(*), (+), (-)
12	Các loại phân bón Types of fertilizers	Xác định hàm lượng K ₂ O hữu hiệu Determination of available K ₂ O content	TCVN 8560:2018	(*), (+), (-)
13	Phân bón Fertilizer	Xác định hàm lượng Natri tổng số Determination of total sodium content	TCVN 13263-15:2021	(*), (+), (-)

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
14	Các loại phân bón có hàm lượng Ca không lớn hơn 5% (Fertilizers with calcium content not exceeding 5%)	Xác định hàm lượng Ca (hoặc CaO) (Determination of calcium (Ca) or calcium oxide (CaO) content)	TCVN 9284:2018	(*), (+), (-)
15	Các loại phân bón có hàm lượng Ca từ 5% trở lên (Fertilizers with calcium content of 5% or higher)		TCVN 12598:2018	(*), (+), (-)
16	Các loại phân bón có hàm lượng Mg không lớn hơn 5% (Fertilizers with magnesium content not exceeding 5%)	Xác định hàm lượng Mg (hoặc MgO) (Determination of Mg (or MgO) content)	TCVN 9285:2018	(*), (+), (-)
17	Các loại phân bón có hàm lượng Mg từ 5% trở lên (Fertilizers with magnesium content of 5% or higher.)		TCVN 12598:2018	(*), (+), (-)
18	Phân Urê không màu (hạt đục, hạt trong) (Colorless urea fertilizer (opaque and transparent granules))	Xác định hàm lượng Biuret (Determination of biuret content)	TCVN 2620:2014	(*), (+), (-)
19	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng SiO ₂ hữu hiệu (Determination of available SiO ₂ content)	TCVN 11407:2019	(*), (+), (-)
20	Phân silica kiềm (Alkaline silica fertilizer)		TCCS 772:2020/BVTV	(*), (+), (-)
21	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng B hòa tan trong axit (Determination of acid-soluble B content)	TCVN 13263-8:2020	(*), (+), (-)
22	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng B hòa tan trong nước (Determination of water-soluble B content)	TCVN 13263-7:2020	(*), (+), (-)
23	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Fe (Determination of Fe content)	TCVN 9283:2018	(*), (+), (-)
24	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Mo (Determination of Mo content)		(*), (+), (-)
25	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Cu (Determination of Cu content)	TCVN 9286:2018	(*), (+), (-)
26	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Zn (Determination of Zn content)	TCVN 9289:2012	(*), (+), (-)
27	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Mn (Determination of Mn content)	TCVN 9288:2012	(*), (+), (-)
28	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Pb (Determination of Pb content)	TCVN 9290:2018 (Phương pháp nhiệt điện)	(*), (+), (-)
29	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Cd (Determination of Cd content)	TCVN 9291:2018 (Phương pháp nhiệt điện)	(*), (+), (-)
30	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Co (Determination of Co content)	TCVN 9288:2012	(*), (+), (-)
31	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Hg (Determination of Hg content)	TCVN 10676:2015	(*), (+), (-)
32	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Asen (Determination of As content)	TCVN 11403:2016	(*), (+), (-)
33	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng S (Determination of S content)	TCVN 9296:2012	(*), (+), (-)

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ

LĨNH VỰC PHÂN BÓN / Fertilizer Sector

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
34	Các loại phân bón - Tính theo % khối lượng cacbon : TCVN 8561:2010 - Tính theo % khối lượng axit humic, axit fulvic : TCVN 8561:2010 và quy về hàm lượng axit humic bằng hàm lượng cacbon nhân với 1.724 và về hàm lượng axit fulvic bằng hàm lượng cacbon nhân với 2.150 Types of fertilizers - Calculated as percentage by mass of carbon: TCVN 8561:2010 - Calculated as percentage by mass of humic acid and fulvic acid: TCVN 8561:2010 and converted to humic acid content by multiplying the carbon content by 1.724, and to fulvic acid content by multiplying the carbon content by 2.150.	Xác định hàm lượng axit humic, axit fulvic (Determination of humic and fulvic acids content)	TCVN 8561:2010	(*), (+), (-)
35	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng chất hữu cơ (Determination of organic matter content)	TCVN 9294:2012	(*), (+), (-)
36	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định tỷ lệ C/N (Determination of C/N ratio)	C: TCVN 9294:2012 N: TCVN 8557:2010	(*), (+), (-)
37	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định pH H ₂ O (Determination of pH (H ₂ O))	TCVN 13263-9:2020	(*), (+), (-)
38	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Khối lượng riêng hoặc tỷ trọng	TCVN 13263-9:2020	(*), (+), (-)
39	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng axit tự do (Determination of free acidity)	TCVN 9292:2019	(*), (+), (-)
40	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Axit amin tự do (Determination of free amino acid content)	TCVN 12620:2019	(*), (+), (-)
41	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Phát hiện và Định lượng VSV cố định Nitơ (Detection and quantification of nitrogen-fixing microorganisms)	TCVN 6166:2002	(*), (+), (-)
42	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Tổng VSV phân giải hợp chất Photpho khó tan (Total phosphorus-solubilizing microorganisms)	TCVN 6167:1996	(*), (+), (-)
43	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Phát hiện và định lượng VSV phân giải xenlulo (Detection and quantification of cellulose-degrading microorganisms)	TCVN 6168:2002	(*), (+), (-)
44	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Vi khuẩn E.coli (Escherichia coli (E. coli))	Ref.TCVN 6846:2007	(*), (+), (-)
45	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Vi khuẩn Salmonella (Salmonella)	Ref.TCVN 10780-1:2017	(*), (+), (-)
46	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Phát hiện và định lượng Trichoderma spp. — Kỹ thuật đếm khuẩn lạc (Detection and quantification of Trichoderma spp. — Colony counting technique)	TCVN 13613:2022	(+), (-)
47	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Phát hiện và định lượng Trichoderma spp. (Detection and quantification of Trichoderma spp.)	BM.HDPP.048	(+), (-)
48	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định mật độ Bacillus spp. (Enumeration of Bacillus spp.)	BM.HDPP.049	(+), (-)

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
49	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Phương pháp phát hiện Salmonella spp. trong phân bón bằng test Precism (Method for detection of Salmonella spp. in fertilizer using the Precism test)	BM.HDPP.057	(-)
50	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Định lượng Azotobacter spp. (Quantification of Azotobacter spp.)	TCVN 6166:2002	(+), (-)
51	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Định lượng Bacillus megaterium – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc (Enumeration of Bacillus megaterium – Colony counting technique)	TCVN 13614:2022	(+), (-)
52	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định SiO ₂ tổng số (Determination of total SiO ₂ content)	TCVN 5815:2001	(-)
53	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Ni (Determination of Ni content)	TCVN 10675:201	(-)
54	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng K ₂ O hòa tan (Determination of soluble K ₂ O content)	TCVN 5815:2018	(-)
55	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Naphthalene Axetic acid (NAA) (Determination of naphthalene-1-acetic acid (NAA) content)	TCVN 13263-5:2020	(*), (+), (-)
56	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng Gibberellin A ₃ (GA ₃) (Determination of gibberellin A ₃ (GA ₃) content)	TCVN 13263-6:2020	(*), (+), (-)
57	Các loại phân bón (Types of fertilizers)	Xác định hàm lượng axit amin tổng số (Determination of total amino acid content)	TCVN 12621:201	(-)
58	Các loại phân bón dạng rắn (Types of solid fertilizers)	Xác định hàm lượng P ₂ O ₅ hòa tan trong nước (Determination of water-soluble P ₂ O ₅ content)	TCVN 10678:2015	(+), (-)

B. LĨNH VỰC THỨC ĂN CHĂN NUÔI / Animal Feed Sector

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
01	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi khác (Determination of moisture and other volatile matter content)	TCVN 4326:2001	(*), (+), (-)
02	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng tro thô (Determination of crude ash content)	TCVN 4327:2007	(*), (+), (-)
03	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng tro không tan trong axit clohydric (Determination of hydrochloric acid-insoluble ash content)	TCVN 9474:2012	(*), (+), (-)
04	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định Hàm lượng clorua hòa tan trong nước (NaCl) – Phần 1: Phương pháp chuẩn độ (Determination of water-soluble chloride content (as NaCl) – Part 1: Titration method)	TCVN 4806-1:2018	(*), (+), (-)

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ

LĨNH VỰC THỨC ĂN CHĂN NUÔI / Animal Feed Sector

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
05	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng photphos (P) Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử Uv-Vis (Determination of phosphorus (P) content – UV-Vis molecular absorption spectrophotometric method)	TCVN 1525:2001	(*), (+), (-)
06	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Nitơ và tính hàm lượng Protein thô-Phần 2: Phương pháp phân huỷ kín và chưng cất bằng hơi nước (Determination of nitrogen content and calculation of crude protein – Part 2: Closed digestion and steam distillation method)	TCVN 4328-2:2011	(*), (+), (-)
07	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Nitơ amoniac (Determination of ammoniacal nitrogen content)	TCVN 10494: 2014	(*), (+), (-)
08	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Xơ thô (Determination of crude fiber content)	TCVN 4329:2007	(*), (+), (-)
09	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng chất Béo (Determination of crude fat content)	TCVN 6555:2017	(*), (+), (-)
10	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Axit xyanhydric(HCN) (Determination of hydrocyanic acid (HCN) content)	TCVN 8763:2012	(+), (-)
11	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Flo (F) (Determination of fluorine (F) content)	AOAC 975.08	(*), (+), (-)
12	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Gossypol tự do và tổng số phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử Uv-Vis (Determination of free and total gossypol content by UV-Vis spectrophotometry)	TCVN 9125:2011	(+), (-)
13	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) phương pháp hấp thụ nguyên tử nhiệt điện sau khi phân huỷ bằng vi sóng-(AAS-GF) (Determination of cadmium (Cd) content using graphite furnace atomic absorption spectrometry (GF-AAS) following microwave digestion)	TCVN 8126:2009	(*), (+), (-)
14	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Chì (Pb) phương pháp hấp thụ nguyên tử nhiệt điện sau khi phân huỷ bằng vi sóng-(AAS-GF) (Determination of lead (Pb) content using graphite furnace atomic absorption spectrometry (GF-AAS) following microwave digestion)	TCVN 8126:2009	(*), (+), (-)
15	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Asen (As) phương pháp hấp thụ nguyên tử-(AAS-HG) (Determination of arsenic (As) content using hydride generation atomic absorption spectrometry (HG-AAS))	AOAC 986.15	(*), (+), (-)
16	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Thuỷ Ngân (Hg) phương pháp hấp thụ nguyên tử-(AAS-HG) (Determination of mercury (Hg) content using hydride generation atomic absorption spectrometry (HG-AAS))	AOAC 971.21	(*), (+), (-)

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
17	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Natri (Na) phương pháp hấp thu nguyên tử-(AAS-F) (Determination of sodium (Na) content using flame atomic absorption spectrometry (F-AAS))	TCVN 1537:2007	(*), (+), (-)
18	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Kali (K) phương pháp hấp thu nguyên tử-(AAS-F) (Determination of potassium (K) content using flame atomic absorption spectrometry (F-AAS))	TCVN 1537:2007	(*), (+), (-)
19	Sản phẩm từ đậu tương (Soybean products)	Xác định hàm lượng Canxi (Ca)-Phần 1: Phương pháp chuẩn độ (Determination of calcium (Ca) content – Part 1: Volumetric titration method)	TCVN 1526-1:2007	(*), (+), (-)
20	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Magie (Mg) phương pháp hấp thu nguyên tử-(AAS-F) (Determination of magnesium (Mg) content using flame atomic absorption spectrometry (F-AAS))	TCVN 1537:2007	(*), (+), (-)
21	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Mangan (Mn) phương pháp hấp thu nguyên tử-(AAS-F) (Determination of manganese (Mn) content using flame atomic absorption spectrometry (F-AAS))	TCVN 1537:2007	(*), (+), (-)
22	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Đồng (Cu) phương pháp hấp thu nguyên tử-(AAS-F) (Determination of copper (Cu) content using flame atomic absorption spectrometry (F-AAS))	TCVN 1537:2007	(*), (+), (-)
23	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Sắt (Fe) phương pháp hấp thu nguyên tử-(AAS-F) (Determination of iron (Fe) content using flame atomic absorption spectrometry (F-AAS))	TCVN 1537:2007	(*), (+), (-)
24	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Kẽm (Zn) phương pháp hấp thu nguyên tử-(AAS-F) (Determination of zinc (Zn) content using flame atomic absorption spectrometry (F-AAS))	TCVN 1537:2007	(*), (+), (-)
25	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Aflatoxin tổng số, G1, G2, B1, B2 - Phương pháp sắc ký lỏng đầu dò huỳnh quang (HPLC-FLD) (Determination of total and individual aflatoxins (B1, B2, G1, G2) by HPLC with fluorescence detection (HPLC-FLD))	BM.HDPP.051	(*), (+), (-)
26	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Ethoxyquin-Phương pháp sắc ký lỏng đầu dò huỳnh quang (HPLC-FLD) (Determination of ethoxyquin by HPLC with fluorescence detection (HPLC-FLD))	TCVN 11282:2016	(*), (+), (-)
27	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng axit amin - Phương pháp sắc ký lỏng đầu dò huỳnh quang (HPLC-FLD) (Determination of amino acids by HPLC with fluorescence detection (HPLC-FLD))	BM.HDPP.053	(+), (-)
28	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Tạp chất không tan (Determination of insoluble matter content)	TCVN 6125:2020	(*), (+), (-)

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ

LĨNH VỰC THỨC ĂN CHĂN NUÔI / Animal Feed Sector

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
29	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định Trị số peroxid (Determination of peroxide content)	TCVN 6121:2018	(*), (+), (-)
30	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định Trị số axit và Độ axit (Determination of Acid Value and Acidity)	TCVN 6127:2010	(*), (+), (-)
31	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác nhận hàm lượng protein tan trong KOH 0,2% (Determination of protein content soluble in 0.2% KOH)	TCVN 8799:2011	(+), (-)
32	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg) (Determination of Mercury (Hg) content)	BM.HDPP.058	(-)
33	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Định lượng vi sinh vật (Microbial enumeration)	TCVN 4884-1:2015	(*), (+), (-)
34	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Định lượng Staphylococcus aureus (Enumeration of Staphylococcus aureus)	TCVN 4830-1:2005	(*), (+), (-)
35	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Định lượng Clostridium perfringens (Enumeration of Clostridium perfringens)	TCVN 4991:2005	(*), (+), (-)
36	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Định lượng E.coli (Enumeration of E. coli)	TCVN 7924-2:2008	(*), (+), (-)
37	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Định lượng Coliforms (Enumeration of Coliforms)	TCVN 6848:2007	(*), (+), (-)
38	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Định tính Salmonella spp. (Qualitative detection of Salmonella spp)	TCVN 10780-1:2017	(*), (+), (-)
39	Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)	Định lượng Bacillus Cereus giả định trên đĩa thạch – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C (Enumeration of presumptive Bacillus cereus on agar plates – Colony count technique at 30°C)	TCVN 4992:2005	(-)

C. LĨNH VỰC THỦY SẢN / Aquatic Animal Feed

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
01	Thức ăn thủy sản (Aquatic Animal Feed)	Xác định độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi khác (Determination of moisture and other volatile matter content)	TCVN 4326:2001	(*), (+), (-)
02		Xác định hàm lượng tro tổng (khoáng tổng số) (Determination of total ash (total minerals) content)	TCVN 4327:2007	(*), (+), (-)
03		Xác định hàm lượng tro không tan trong axit clohydric (Determination of hydrochloric acid-insoluble ash content)	TCVN 9474:2012	(*), (+), (-)
04		Xác định hàm lượng clorua hòa tan trong nước (NaCl) – Phần 1: Phương pháp chuẩn độ (Determination of water-soluble chloride content (NaCl) – Part 1: Titration method)	TCVN 4806-1:2018	(*), (+), (-)
05		Xác định hàm lượng Phospho (P) phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử UV-Vis (Determination of Phosphorus (P) content by UV-Vis molecular absorption spectroscopy)	TCVN 1525:2001	(*), (+), (-)

LĨNH VỰC THỦY SẢN / Aquatic Animal Feed

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
06	Thức ăn thủy sản (Aquatic Animal Feed)	Xác định hàm lượng Nitơ và tính hàm lượng Protein thô – Phần 2: Phương pháp phân hủy kín và chưng cất bằng hơi nước (Determination of Nitrogen content and calculation of crude protein – Part 2: Kjeldahl digestion and steam distillation method)	TCVN 4328-2:2011	(*),(+),(-)
07		Xác định hàm lượng nitơ amoniac (NH ₃) (Determination of ammoniacal nitrogen (NH ₃) content)	TCVN 10494: 2014	(*),(+),(-)
08		Xác định hàm lượng xơ thô (Determination of crude fiber content)	TCVN 4329:2007	(*),(+),(-)
09		Xác định hàm lượng chất béo thô và hàm lượng chất béo tổng số bằng phương pháp chiết Randall (Determination of crude fat and total fat content by Randall extraction method)	TCVN 6555:2017	(*),(+),(-)
10		Xác định hàm lượng Canxi (Ca) (Determination of Calcium (Ca) content)	SGC.TATS.001 (Ref. TCVN 1526-1:2007)	(*),(+),(-)
11		Xác định Cadimi (Cd) phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện sau khi đã phân hủy bằng lò vi sóng (Determination of Cadmium (Cd) by electrothermal atomic absorption spectroscopy after microwave digestion)	SGC.TATS.002 (Ref. TCVN 8126:2009)	(*),(+),(-)
12		Xác định Chì (Pb) phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện sau khi đã phân hủy bằng lò vi sóng (Determination of Lead (Pb) by electrothermal atomic absorption spectroscopy after microwave digestion)	SGC.TATS.003 (Ref.TCVN 8126:2009)	(*),(+),(-)
13		Xác định Asen (As) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử kỹ thuật hydride (Determination of Arsenic (As) by hydride generation atomic absorption spectroscopy)	AOAC 986.15	(*),(+),(-)
14		Xác định Thủy ngân (Hg) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử kỹ thuật hydride (Determination of Mercury (Hg) by hydride generation atomic absorption spectroscopy)	SGC.TATS.004 (Ref.EN 16277:2012)	(*),(+),(-)
15		Xác định hàm lượng Natri (Na) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (Determination of Sodium (Na) content by flame atomic absorption spectroscopy)	SGC.TATS.005 (Ref.TCVN 1537:2007)	(*),(+),(-)
16		Xác định hàm lượng Kali (K) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (Determination of Potassium (K) content by flame atomic absorption spectroscopy)	SGC.TATS.006 (Ref.TCVN 1537:2007)	(*),(+),(-)
17		Xác định hàm lượng Magie (Mg) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (Determination of Magnesium (Mg) content by flame atomic absorption spectroscopy)	SGC.TATS.007 (Ref.TCVN 1537:2007)	(*),(+),(-)
18		Xác định hàm lượng Mangan (Mn) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (Determination of Manganese (Mn) content by flame atomic absorption spectroscopy)	SGC.TATS.008 (Ref.TCVN 1537:2007)	(*),(+),(-)

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ

LĨNH VỰC THỦY SẢN / Aquatic Animal Feed

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
19	Thức ăn thủy sản (Aquatic Animal Feed)	Xác định hàm lượng Đồng (Cu) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (Determination of Copper (Cu) content by flame atomic absorption spectroscopy)	SGC.TATS.009 (Ref.TCVN 1537:2007)	(*), (+), (-)
20		Xác định hàm lượng Sắt (Fe) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (Determination of Iron (Fe) content by flame atomic absorption spectroscopy)	SGC.TATS.010 (Ref.TCVN 1537:2007)	(*), (+), (-)
21		Xác định hàm lượng Kẽm (Zn) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (Determination of Zinc (Zn) content by flame atomic absorption spectroscopy)	SGC.TATS.011 (Ref.TCVN 1537:2007)	(*), (+), (-)
22		Xác định hàm lượng Aflatoxin tổng số, G1, G2, B1, B2 – Phương pháp sắc ký lỏng đầu dò huỳnh quang (Determination of total Aflatoxins, G1, G2, B1, B2 – Liquid chromatography with fluorescence detection (HPLC-FLD) method)	SGC.TATS.012	(*), (-)
23		Xác định hàm lượng Ethoxyquin – Phương pháp sắc ký lỏng đầu dò huỳnh quang (Determination of Ethoxyquin content – Liquid chromatography with fluorescence detection (HPLC-FLD) method)	SGC.TATS.014	(*), (-)
24		Xác định hàm lượng axit amin – Phương pháp sắc ký lỏng đầu dò huỳnh quang (Methionin; Tổng Cystin và Cystein; Lysin) (Determination of amino acid content – Liquid chromatography with fluorescence detection (Methionine; Total Cystine and Cysteine; Lysine))	SGC.TATS.013	(-)
25		Định lượng vi sinh vật (Microbial enumeration)	TCVN 4884-1:2015	(*), (+), (-)
26		Định lượng Staphylococcus aureus (Enumeration of Staphylococcus aureus)	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:2009)	(*), (-)
27		Định lượng Clostridium perfringens trên đĩa thạch – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc (Enumeration of Clostridium perfringens on agar plates – Colony count technique)	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	(*), (-)
28		Định lượng E.coli (Enumeration of E. coli)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	(*), (+), (-)
29		Định lượng Coliforms – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc (Enumeration of Coliforms – Colony count technique)	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	(*), (+), (-)
30		Định tính Salmonella spp. (Qualitative detection of Salmonella spp)	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	(*), (+), (-)

D. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT / Plant Protection Products

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
01	Thuốc bảo vệ thực vật (Plant protection products)	Xác định độ acid và độ kiềm (Determination of acidity and alkalinity)	TCVN 2739:1986	(*),(+),(-)
02		Xác định độ bền bảo quản ở 0°C trong 7 ngày (Determination of storage stability at 0°C for 7 days)	TCVN 8382:2010	(-)
03		Xác định độ bền bảo quản ở 54°C trong 14 ngày (Determination of storage stability at 54°C for 14 days)	TCVN 8050:2016	(-)
04		Xác định độ bền nhũ tương (Determination of emulsion stability)	TCVN 8382:2010	+) ,(-)
05		Xác định độ bền pha loãng (Determination of dilution stability)	TCVN 9476:2012	(*),(+),(-)
06		Xác định độ bền phân tán (Determination of dispersion stability.)	TCVN 8750:2014	(*),(+),(-)
07		Xác định độ bọt (Determination of foaming)	TCVN 8050:2016	(*),(+),(-)
08		Xác định độ hòa tan và độ bền dung dịch (Determination of solubility and solution stability)	TCVN 8050:2016	(*),(+),(-)
09		Xác định độ phân tán (Determination of dispersibility)	TCVN 8050:2016	(*),(+),(-)
10		Xác định độ tự phân tán (Determination of self-dispersibility)	TCVN 8050:2016	(-)
11		Xác định kích thước hạt (Determination of particle size)	TCVN 2743:1978	(*),(+),(-)
12		Xác định độ mịn (rây khô) (Determination of fineness (dry sieve))	TCVN 8050:2016	(-)
13		Xác định độ mịn (rây ướt) (Determination of fineness (wet sieve))	TCVN 8050:2016	(*),(+),(-)
14		Xác định khả năng thấm ướt (Determination of wetting ability)	TCVN 8050:2016	(*),(+),(-)
15		Xác định khối lượng riêng (Determination of density)	TCVN 8050:2016	(*),(+),(-)
16		Xác định tỷ suất lơ lửng (Determination of suspended solids)	TCVN 8050:2016	(-)
17		Xác định hàm lượng cartap hydrochloride (Determination of Cartap Hydrochloride Content)	TCVN 8380:2010	(-)
18		Xác định hàm lượng bismethiazol (Determination of Bismethiazol Content)	SGC.BVTV.001	(-)
19		Xác định hàm lượng đồng hydroxide (Determination of Copper Hydroxide Content)	TCVN 10157:2013	(-)
20		Xác định hàm lượng ethephon (Determination of Ethephon Content)	SGC.BVTV.002	(*),(+),(-)
21		Xác định hàm lượng fosetyl Aluminium (Determination of Fosetyl Aluminium Content)	TCVN 10985:2016	(-)
22		Xác định hàm lượng sulfur (Determination of Sulfur Content)	TCVN 8984:2011	(*),(+),(-)

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ

THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT / Plant Protection Products

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
23	Thuốc bảo vệ thực vật (Plant protection products)	Xác định hàm lượng mancozeb (Determination of Mancozeb Content)	SGC.BVTV.003	(-)
24		Xác định hàm lượng phosphide vô cơ (Determination of Inorganic Phosphide Content)	TCVN 10985:2016	(*), (+), (-)
25		Xác định hàm lượng thiram ()	TCVN 13262-1:2020	(-)
26		Xác định hàm lượng propineb (Determination of Propineb Content)	TCVN 9480:2012	(*), (+), (-)
27		Xác định hàm lượng Pb, Cd, As (Determination of Pb, Cd, and As Content)	TCVN 10160:2013	(-)
28		Xác định hàm lượng abamectin (Determination of Abamectin Content)	TCVN 9475:2012	(+), (-)
29		Xác định hàm lượng acetamiprid (Determination of Acetamiprid Content)	SGC.BVTV.004	(-)
30		Xác định hàm lượng acetochlor (Determination of Acetochlor Content)	SGC.BVTV.005 (Tham khảo.TC 08/2003-CL)	(-)
31		Xác định hàm lượng alpha naphthyl acetic acid (NAA) (Determination of Alpha-Naphthyl Acetic Acid (NAA) Content)	SGC BVTV 006	(-)
32		Xác định hàm lượng azadirachtin (Determination of Azadirachtin Content)	TCVN 8383:2010	(-)
33		Xác định hàm lượng bensulfuron methyl (Determination of Bensulfuron Methyl Content)	TCVN 10979:2016	(*), (+), (-)
34		Xác định hàm lượng bispyribac sodium (Determination of Bispyribac Sodium Content)	SGC.BVTV.007 (Tham khảo.TC 115/2000-CL)	(-)
35		Xác định hàm lượng bronopol (Determination of Bronopol Content)	SGC.BVTV.008	(-)
36		Xác định hàm lượng cyantraniliprole (Determination of Cyantraniliprole Content)	SGC.BVTV.009	(-)
37		Xác định hàm lượng cymoxanil (Determination of Cymoxanil Content)	TCVN 11732: 2016	(*), (+), (-)
38		Xác định hàm lượng cyromazine (Determination of Cyromazine Content)	TCVN 11731 2016	(-)
39		Xác định hàm lượng chlorantraniliprole (Determination of Chlorantraniliprole Content)	SGC BVTV 010	(-)
40		Xác định hàm lượng chlorfluazuron (Determination of Chlorfluazuron Content)	SGC.BVTV.011	(-)
41		Xác định hàm lượng chlorfenapyr (Determination of Chlorfenapyr Content)	TCVN 12475:2018	(-)
42		Xác định hàm lượng diafenthiuron (Determination of Diafenthiuron Content)	SGC.BVTV.012	(-)
43		Xác định hàm lượng diflubenzuron (Determination of Diflubenzuron Content)	SGC BVTV 013	(-)
44		Xác định hàm lượng dimethomorph (Determination of Dimethomorph Content)	SGC.BVTV.014 (Tham khảo.TC 11:2006/CL)	(-)

THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT / Plant Protection Products

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
45	Thuốc bảo vệ thực vật (Plant protection products)	Xác định hàm lượng dinotefuran (Determination of Dinotefuran Content)	SGC.BVTV.015 (Tham khảo.TC 12:2006/CL)	(-)
46		Xác định hàm lượng diuron (Determination of Diuron Content)	SGC.BVTV.016 (Tham khảo.TC 96:1998/CL)	(-)
47		Xác định hàm lượng emamectin benzoate (Determination of Emamectin Benzoate Content)	SGC.BVTV.017	(-)
48		Xác định hàm lượng ethoxysulfuron (Determination of Ethoxysulfuron Content)	SGC.BVTV.018 (Tham khảo.TC 93/1998-CL)	(-)
49		Xác định hàm lượng fenoxapro-p-ethyl (Determination of Fenoxapro-P-Ethyl Content)	SGC.BVTV.019	(-)
50		Xác định hàm lượng fipronil (Determination of Fipronil Content)	TCVN 10988:2016	(-)
51		Xác định hàm lượng fomesafen (Determination of Fomesafen Content)	SGC.BVTV.020	(-)
52		Xác định hàm lượng glufosinate ammonium (Determination of Glufosinate Ammonium Content)	SGC.BVTV.021	(-)
53		Xác định hàm lượng glyphosate (Determination of Glyphosate Content)	TCVN 12473:2018	(-)
54		Xác định hàm lượng gibberillic acid (GA3) (Determination of Gibberellic Acid (GA ₃) Content)	SGC.BVTV.022 (Tham khảo.TC 10/2002-CL)	(-)
55		Xác định hàm lượng hexaconazole (Determination of Hexaconazole Content)	TCVN 8381:2010	(+),(-)
56		Xác định hàm lượng hexylthiazox (Determination of Hexylthiazox Content)	SGC.BVTV.023	(-)
57		Xác định hàm lượng imidacloprid (Determination of Imidacloprid Content)	TCVN 11730:2016	(*),(+),(-)
58		Xác định hàm lượng indoxacarb (Determination of Indoxacarb Content)	SGC.BVTV.024 (Tham khảo.TC 03/CL:2005)	(-)
59		Xác định hàm lượng iprodione (Determination of Iprodione Content)	TCVN 10980:2016	(*),(+),(-)
60		Xác định hàm lượng kasugamycin (Determination of Kasugamycin Content)	SGC.BVTV.025	(-)
61		Xác định hàm lượng lufenuron (Determination of Lufenuron Content)	TCVN 11734:2016	(*),(+),(-)
62		Xác định hàm lượng mandipropamid (Determination of Mandipropamid Content)	SGC.BVTV.026	(-)
63		Xác định hàm lượng metsulfuron methyl (Determination of Metsulfuron Methyl Content)	TCVN 10982:2016	(*),(+),(-)
64		Xác định hàm lượng niclosamide olamine (Determination of Niclosamide Olamine Content)	SGC.BVTV.027	(-)
65		Xác định hàm lượng nitenpyram (Determination of Nitenpyram Content)	SGC.BVTV.028	(-)
66		Xác định hàm lượng oxolinic acid (Determination of Oxolinic Acid Content)	TCVN 10164:2013	(*),(+),(-)

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ

THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT / Plant Protection Products

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
67	Thuốc bảo vệ thực vật (Plant protection products)	Xác định hàm lượng oxytetracycline.HCl (Determination of Oxytetracycline Hydrochloride Content)	SGC.BVTV.029	(-)
68		Xác định hàm lượng paraquat dichloride (Determination of Paraquat Dichloride Content)	TCVN 9476:2012	(-)
69		Xác định hàm lượng pencycuron (Determination of Pencycuron Content)	TCVN 9481:2012	(*),(-)
70		Xác định hàm lượng penoxsulam (Determination of Penoxsulam Content)	SGC.BVTV.030 (Tham khảo.TC 04:2007/CL)	(-)
71		Xác định hàm lượng propamocarb.HCl (Determination of Propamocarb Hydrochloride Content)	SGC.BVTV.031	(-)
72		Xác định hàm lượng pymetrozine (Determination of Pymetrozine Content)	SGC.BVTV.032	(-)
73		Xác định hàm lượng pyrazosulfuron ethyl (Determination of Pyrazosulfuron Ethyl Content)	SGC.BVTV.033	(-)
74		Xác định hàm lượng pyribenzoxim (Determination of Pyribenzoxim Content)	SGC.BVTV.034	(-)
75		Xác định hàm lượng pyriproxyfen (Determination of Pyriproxyfen Content)	TCVN 12706:2019	(*),(+),(-)
76		Xác định hàm lượng quinchlorac (Determination of Quinchlorac Content)	TCVN 10981:2016	(*),(+),(-)
77		Xác định hàm lượng sodium 2,4 –dinitrophenolate (Determination of Sodium 2,4-Dinitrophenolate Content)	SGC.BVTV.035	(-)
78		Xác định hàm lượng sodium -5 –nitroguaiacolate (Determination of Sodium 5-Nitroguaiacolate Content)	SGC.BVTV.036	(-)
79		Xác định hàm lượng sodium -o- nitrophenolate (Determination of Sodium o-Nitrophenolate Content)	SGC.BVTV.037	(-)
80		Xác định hàm lượng sodium -p nitrophenolate (Determination of Sodium p-Nitrophenolate Content)	SGC.BVTV.038	(-)
81		Xác định hàm lượng streptomycin (Determination of Streptomycin Content)	SGC.BVTV.039	(-)
82		Xác định hàm lượng tebufenozide (Determination of Tebufenozide Content)	SGC.BVTV.040	(-)
83		Xác định hàm lượng thiophanate methyl (Determination of Thiophanate Methyl Content)	TCVN 8751:2014	(-)
84		Xác định hàm lượng tricyclazole (Determination of Tricyclazole Content)	SGC.BVTV.041 (Tham khảo.TC 08/2002-CL)	(-)
85		Xác định hàm lượng thiosultap sodium (Determination of Thiosultap Sodium Content)	SGC.BVTV.042	(-)
86		Xác định hàm lượng validamycin A (Determination of Validamycin A Content)	SGC.BVTV.043	(-)

E.

VIETGAP VÀ GIỐNG / VietGAP and Varieties

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
01	Đất (Soil)	Xác định hàm lượng Asen (Determination of Arsenic Content)	TCVN 8467:2010	(-)
02		Xác định hàm lượng Cadimi (Determination of Cadmium Content)	TCVN 6496:2009	(-)
03		Xác định hàm lượng Chì (Determination of Lead Content)		(-)
04		Xác định hàm lượng Đồng (Determination of Copper Content)		(-)
05		Xác định hàm lượng Kẽm (Determination of Zinc Content)		(-)
06		pH	TCVN 5979:2021	(-)
07		Xác định độ dẫn điện riêng (Determination of Electrical Conductivity)	TCVN 6650:2000	(-)
08		Xác định cacbon hữu cơ tổng số - Phương pháp Walkley black (Determination of Total Organic Carbon – Walkley–Black Method)	TCVN 8941: 2011	(-)
09		Xác định nito tổng – Phương pháp Kjeldahl cải biên (Determination of Total Nitrogen – Modified Kjeldahl Method)	TCVN 6498:1999	(-)
10		Xác định Phospho tổng số - Phương pháp so màu (Determination of Total Phosphorus – Colorimetric Method)	TCVN 8940:2011	(-)
11		Xác định Phospho dễ tiêu phương pháp Bray và Kurtz (Bray II) (Determination of Available Phosphorus – Bray and Kurtz Method (Bray II))	TCVN 8942:2011	(-)
12		Xác định thành phần cấp hạt (Xác định thành phần cát bằng rây) (Determination of Particle Size Distribution (Sand Fraction by Sieving))	TCVN 8567:2010	(-)
13		Xác định thành phần cấp hạt (Xác định thành phần limon bằng pipet) (Determination of Particle Size Distribution (Silt Fraction by Pipette Method))	TCVN 8567:2010	(-)
14		Xác định thành phần cấp hạt (Xác định thành phần sét bằng pipet) (Determination of Particle Size Distribution (Clay Fraction by Pipette Method))	TCVN 8567:2010	(-)
15		Xác định Kali tổng số (Determination of Total Potassium)	TCVN 8660:2011	(-)
16		Xác định Kali dễ tiêu (Determination of Available Potassium)	TCVN 8662:2011	(-)
17	Nước (Water)	Xác định hàm lượng Asen (Determination of Arsenic Content)	TCVN 6626:2000	(-)
18		Xác định hàm lượng Cadimi (Determination of Cadmium Content)	TCVN 6197:2008	(-)
19		Xác định hàm lượng Chì (Determination of Lead Content)	TCVN 6193:1996	(-)
20		Xác định hàm lượng Thủy ngân (Determination of Mercury Content)	TCVN 7877:2008	(-)
21		Xác định hàm lượng Đồng (Determination of Copper Content)	TCVN 6193:1996	(-)
22		Xác định hàm lượng Kẽm (Determination of Zinc Content)		(-)
23		Xác định pH (Determination of pH)	TCVN 6492:2011	(-)

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ

VIETGAP VÀ GIỐNG / VietGAP and Varieties

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
24	Rau, quả và sản phẩm rau, quả (Vegetables, Fruits and Vegetable/Fruit Products)	Xác định hàm lượng Asen (Determination of Arsenic Content)	TCVN 7770:2007	(-)
25		Xác định hàm lượng chì (Determination of Lead Content)	TCVN 7766:2007	(-)
26		Xác định hàm lượng Cadimi (Determination of Cadmium Content)	TCVN 7768-1:2007	(-)
27		Xác định hàm lượng Cadimi (phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử kỹ thuật nhiệt điện) (Determination of Cadmium Content (Electrothermal Atomic Absorption Spectrometry, ETAAS))	TCVN 7770:2007	(-)
28	Rau, quả và sản phẩm rau, quả (cà phê) (Vegetables, Fruits and Vegetable/Fruit Products (Coffee))	Xác định hàm lượng Asen (phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử kỹ thuật hydride) (Determination of Arsenic Content (Hydride Generation Atomic Absorption Spectrometry, HG-AAS))	TCVN 7766:2007	(-)
29		Xác định hàm lượng Chì (phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử kỹ thuật nhiệt điện) (Determination of Lead Content (Electrothermal Atomic Absorption Spectrometry, ETAAS))	TCVN 4884-1:201	(-)
30	Thực phẩm (Food products)	Định lượng vi sinh vật (Quantification of Microorganisms)	TCVN 4884-2:2015	(-)
31		Phát hiện định lượng và xác định typ huyết thanh của Salmonella (Detection, Enumeration and Serotyping of Salmonella)	TCVN 10780-1:2017	(-)
32		Định lượng Escherichia coli dương tính Beta-glucuronidaza (Enumeration of β -Glucuronidase-Positive Escherichia coli)	TCVN 7924-1:2019 TCVN 7924-2:2008 TCVN 7924-3:2017	(-)
33		Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (Staphylococcus aureus và các loài khác) trên đĩa thạch (Enumeration of Coagulase-Positive Staphylococci (Staphylococcus aureus and Other Species) on Agar Plates)	TCVN 4830-3:2005	(-)
34		Phát hiện và định lượng Coliform (Detection and Enumeration of Coliforms)	TCVN 4882:2007	(-)
35	Nước (Water)	Xác định vi khuẩn Coliform trong nước (Determination of Coliform Bacteria in Water)	TCVN 6187-2:2020	(-)
36		Xác định vi khuẩn E. coli trong nước (Determination of Escherichia coli in Water)	TCVN 6187-2:2020	(-)
37		Xác định vi khuẩn Coliform (Determination of Coliform Bacteria)	TCVN 6187-2:2020	(-)
38		Xác định vi khuẩn E. coli (Determination of Escherichia coli)	TCVN 6187-2:2020	(-)
39	Thóc tẻ giống lúa loài Oryza sativa L (Non-glutinous paddy rice of the species Oryza sativa L)	Xác định tạp chất thóc tẻ (Determination of Impurities in Non-glutinous Paddy Rice)	TCVN 8370:2018	(-)
40	Giống lúa thuộc loài Oryza sativa L (Rice varieties of the species Oryza sativa L.)	Xác định phenol vỏ trấu (Determination of Phenol in Rice Husk)	Mục 21 Phụ lục B QCVN01-65:2011/BNNPTNT	(-)

VIETGAP VÀ GIỐNG / VietGAP and Varieties

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
41	Thóc tẻ loài <i>Oryza sativa</i> L. (Non-glutinous paddy rice (<i>Oryza sativa</i> L.))	Phân tích tỷ lệ gạo lứt (Analysis of Brown Rice Yield)	TCVN 8467:2010	(-)
42	Gạo lứt thuộc loài <i>Oryza sativa</i> L. (Brown rice of the species <i>Oryza sativa</i> L.)	Phân tích màu sắc gạo lứt (Color Analysis of Brown Rice)	TCVN 6496:2009	(-)
43	Gạo loài <i>Oryza sativa</i> L. (Rice of the species <i>Oryza sativa</i> L.)	Phân tích hương thơm gạo lứt (Aroma Analysis of Brown Rice)		(-)
44	Gạo trắng thuộc loài <i>Oryza sativa</i> L. (White rice of the species <i>Oryza sativa</i> L.)	Phân tích tỷ lệ gạo xát trắng (Analysis of Milled Rice Yield)		(-)
45	Gạo trắng thuộc loài <i>Oryza sativa</i> L. (White rice of the species <i>Oryza sativa</i> L.)	Phân tích tỷ lệ gạo nguyên (Analysis of Head Rice Yield)		(-)
46		Phân tích kích thước hạt gạo xát trắng (Grain Size Analysis of Milled Rice)		(-)
47	Gạo (Rice)	Phân tích nhiệt trở hồ (Gelatinization Temperature Analysis)		(-)
48	Giống lúa loài <i>Oryza sativa</i> L. (Rice varieties of the species <i>Oryza sativa</i> L.)	Phân tích sự hòa tan với kiềm (Alkali Spreading Value Analysis)		(-)
49	Gạo loài <i>Oryza sativa</i> L. và <i>Oryza sativa</i> L. <i>glutinosa</i> (Rice of the species <i>Oryza sativa</i> L. and <i>Oryza sativa</i> L. <i>glutinosa</i>)	Xác định độ bền gel (Determination of Gel Consistency)		(-)
50				
51	Gạo tẻ xát (Milled non-glutinous rice)	Đánh giá chất lượng cảm quan cơm (Sensory Evaluation of Cooked Rice Quality)		(-)
52	Gạo loài <i>Oryza sativa</i> L. (Rice (<i>Oryza sativa</i> L.))	Phân tích dạng nội nhũ (Endosperm Type Analysis)	TCVN 8372:2010	(-)
53	Gạo trắng thuộc loài <i>Oryza sativa</i> L. (White rice (<i>Oryza sativa</i> L.))	Phân tích trắng trong độ trắng bạc (Analysis of Whiteness and Translucency)	TCVN 5716-2:2017	(-)
54	Gạo xát (Milled rice)	Phân tích hàm lượng Amyloza (Amylose Content Analysis)	TCVN 8133-2-2011	(-)
55	Ngũ cốc, đậu đỗ và sản phẩm ngũ cốc nghiền (Cereals, legumes and milled cereal products)	Phân tích hàm lượng protein (Protein Content Analysis)	TCVN 9935:2013	(-)
56	Mẫu ngũ cốc, đậu đỗ, các loại cây có củ (Samples of cereals, legumes and tuber crops)	Độ ẩm của tinh bột (Moisture Content of Starch)	TCVN 9935:2013	(-)
57	Ngũ cốc (Cereals)	Phân tích hàm lượng tinh bột tự nhiên (Analysis of Native Starch Content)		(+),(-)
58	Gạo (Rice)	Tỷ lệ gạo lứt, gạo xát, gạo nguyên (Brown Rice Yield, Milled Rice Yield and Head Rice Yield)		(+),(-)
59		Tỷ lệ trắng trong, trắng bạc và độ trắng bạc (Translucency Ratio, Chalkiness Ratio and Whiteness Index)		(+),(-)
60		Độ bền gel (Gel Consistency)		(-)
61		Nhiệt hóa hồ (Gelatinization Temperature)		(-)
62		Hàm lượng amylose (Amylose Content)	TCVN 5716-2:2017 (ISO 6647-2:2015)	(-)

VIETGAP VÀ GIỐNG / VietGAP and Varieties

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
63	Ngô (Maize)	Xác định hàm lượng ẩm (Determination of Moisture Content)	TCVN 4846-1989 (ISO 6540-1980)	(+),(-)
64		Hàm lượng xơ thô (Crude Fiber Content)	TCVN 4329:2007	(+),(-)
65		Hàm lượng Protein thô (Crude Protein Content)	TCVN 4328-2:2011	(+),(-)
66	Ngũ cốc và đậu đỗ (Cereals and legumes)	Hàm lượng Protein thô (Crude Protein Content)	TCVN 8125:2015	(+),(-)
67	Hạt giống cây trồng (Crop seeds)	Xác định khối lượng 1000 hạt (Determination of 1000-Seed Weight)	TCVN 8548:2011	(+),(-)

CHẤT LƯỢNG SẦU RIÊNG/Durian quality

STT No.	Đối tượng thử Test Object	Tên phép thử Name of Test Method	Phương pháp thử Test Method	Tình trạng Status
01	Nông sản có nguồn gốc thực vật (Sầu riêng) Plant-based agricultural products (durian)	Vàng O (Auramine O)	SGC.NS.001	(-)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH SAIGONCERT
SAIGONCERT CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ HOÁ VÀ DINH DƯỠNG CÂY TRỒNG
CENTER FOR CHEMICAL TECHNOLOGY AND PLANT NUTRITION

TRỤ SỞ CHÍNH/ (HEAD OFFICE)

139 Đường Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM, Việt Nam
139 Man Thien Street, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Hotline: **079 382 7777**

Email: saigoncert.hc@gmail.com

Website: www.saigoncert.com - www.khaonghiemkiemnghiempphanbon.vn

